

**SỞ GIAO DỊCH CHỨNG KHOÁN HÀ NỘI CẤP ĐĂNG KÝ NIÊM YẾT
CHỨNG KHOÁN CHỈ CÓ NGHĨA LÀ VIỆC NIÊM YẾT CHỨNG KHOÁN ĐÃ
THỰC HIỆN THEO CÁC QUY ĐỊNH CỦA PHÁP LUẬT LIÊN QUAN MÀ
KHÔNG HÀM Ý ĐẢM BẢO GIÁ TRỊ CỦA CHỨNG KHOÁN. MỌI TUYÊN
BỐ TRÁI VỚI ĐIỀU NÀY LÀ BẤT HỢP PHÁP.**

BẢN CÁO BẠCH
CÔNG TY CỔ PHẦN TIN HỌC VIỄN THÔNG PETROLIMEX

*(Giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp số 0101409374 do Sở Kế hoạch và Đầu tư thành phố
Hà Nội cấp lần đầu ngày 23/09/2003, đăng ký thay đổi lần thứ 6 ngày 25/07/2018)*



NIÊM YẾT CỔ PHIẾU
TRÊN SỞ GIAO DỊCH CHỨNG KHOÁN TP. HÀ NỘI

*(Quyết định đăng ký niêm yết số: 468.../QĐ-SGDHN do Sở Giao dịch Chứng khoán Hà Nội
cấp ngày 16. tháng 07. năm 2019)*

Bản cáo bạch này và tài liệu bổ sung sẽ được cung cấp tại

1. CÔNG TY CỔ PHẦN TIN HỌC VIỄN THÔNG PETROLIMEX

Địa chỉ : Số 01 Khâm Thiên, P. Khâm Thiên, Q. Đống Đa, TP. Hà Nội
Điện thoại : (024) 3518 2072 **Fax :** (024) 3518 2067
Website : www.piacom.com.vn

2. CÔNG TY CỔ PHẦN CHỨNG KHOÁN FPT

Trụ sở chính: Số 52 Lạc Long Quân, P. Bưởi, Q. Tây Hồ, TP. Hà Nội
Điện thoại : (024) 3773 7070 **Fax :** (024) 3773 9058
Website : www.fpts.com.vn

Phụ trách công bố thông tin

Họ và tên : Nguyễn Văn Quý
Chức vụ : Kế toán trưởng
Điện thoại : 0979 859 856



CÔNG TY CỔ PHẦN TIN HỌC VIỄN THÔNG PETROLIMEX

(Giấy chứng nhận ĐKKD số 0101409374 do Sở Kế hoạch và Đầu tư Thành phố Hà Nội cấp lần đầu ngày 23 tháng 9 năm 2003 cấp lần thứ 6 ngày 25 tháng 7 năm 2018)

NIÊM YẾT CỔ PHIẾU TRÊN SỞ GIAO DỊCH CHỨNG KHOÁN HÀ NỘI

Tên cổ phiếu: : **CỔ PHIẾU CÔNG TY CỔ PHẦN TIN HỌC VIỄN THÔNG PETROLIMEX**

Loại cổ phiếu : Cổ phiếu phổ thông

Mệnh giá : 10.000 đồng

Tổng số lượng niêm yết : 3.900.000 cổ phiếu *(Ba triệu chín trăm nghìn cổ phiếu)*

Tổng giá trị niêm yết : 39.000.000.000 đồng *(Ba mươi chín tỷ đồng)*

Tổ chức kiểm toán: CÔNG TY TNHH KIỂM TOÁN AN VIỆT

Địa chỉ : Tầng 12 tòa nhà 167 Bùi Thị Xuân, Q. Hai Bà Trưng, TP. Hà Nội

Số điện thoại : (024) 6278 2904

Fax: : (024) 6278 2905

Tổ chức tư vấn: CÔNG TY CỔ PHẦN CHỨNG KHOÁN FPT

Trụ sở chính : Số 52 Lạc Long Quân, P. Bưởi, Q. Tây Hồ, TP. Hà Nội

Số điện thoại : (024) 3773 7070

Fax : (024) 3773 9058

MỤC LỤC

I. CÁC NHÂN TỐ RỦI RO	5
1. Rủi ro về kinh tế	5
2. Rủi ro về luật pháp.....	7
3. Rủi ro đặc thù.....	7
4. Rủi ro khác.....	8
II. NHỮNG NGƯỜI CHỊU TRÁCH NHIỆM CHÍNH ĐỐI VỚI NỘI DUNG BẢN CÁO BẠCH.....	9
1. Tổ chức niêm yết	9
2. Tổ chức tư vấn	9
III. CÁC KHÁI NIỆM.....	10
IV. TÌNH HÌNH VÀ ĐẶC ĐIỂM CỦA TỔ CHỨC NIÊM YẾT	10
1. Tóm tắt quá trình hình thành và phát triển:	10
2. Cơ cấu tổ chức và bộ máy quản lý của công ty	16
3. Danh sách cổ đông nắm giữ từ trên 5% vốn cổ phần của công ty; Danh sách cổ đông sáng lập và tỉ lệ cổ phần nắm giữ; Cơ cấu cổ đông.....	21
4. Danh sách những công ty mẹ và công ty con của tổ chức đăng ký niêm yết, những công ty mà tổ chức đăng ký niêm yết đang nắm giữ quyền kiểm soát hoặc cổ phần chi phối, những công ty nắm quyền kiểm soát hoặc cổ phần chi phối đối với tổ chức đăng ký niêm yết.....	23
5. Hoạt động kinh doanh.....	24
6. Các hợp đồng lớn đang được thực hiện hoặc đã được ký kết	33
7. Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh.....	34
8. Vị thế của Công ty so với các doanh nghiệp khác trong cùng ngành.....	35
9. Chính sách đối với người lao động.....	39
10. Chính sách cổ tức.....	39
11. Tình hình hoạt động tài chính.....	40
12. Hội đồng quản trị, Ban giám đốc, Ban kiểm soát, Kế toán trưởng	45
13. Tài sản.....	57
14. Kế hoạch sản xuất kinh doanh, lợi nhuận và cổ tức trong năm tiếp theo.....	58
15. Đánh giá của tổ chức tư vấn về kế hoạch lợi nhuận và cổ tức	62
16. Thông tin về những cam kết nhưng chưa thực hiện của tổ chức đăng ký niêm yết	63
17. Các thông tin, các tranh chấp kiện tụng liên quan tới Công ty mà có thể ảnh hưởng đến giá cả chứng khoán niêm yết (nếu có).....	63
V. CHỨNG KHOÁN NIÊM YẾT	64
1. Loại chứng khoán:	64
2. Mệnh giá:	64

3.	Mã chứng khoán:	64
4.	Tổng số chứng khoán niêm yết:.....	64
5.	Số lượng cổ phiếu, trái phiếu bị hạn chế chuyển nhượng theo quy định của pháp luật hoặc của tổ chức phát hành	64
6.	Phương pháp tính giá cổ phiếu niêm yết	65
7.	Giới hạn về tỷ lệ nắm giữ đối với người nước ngoài.....	67
8.	Các loại thuế có liên quan (thuế thu nhập và các thuế khác liên quan đến chứng khoán niêm yết).....	67
VI.	CÁC ĐỐI TÁC LIÊN QUAN TỚI VIỆC NIÊM YẾT	69
1.	Tổ chức tư vấn	69
2.	Tổ chức kiểm toán	69
VII.	PHỤ LỤC	70
1.	Phụ lục I	70
2.	Phụ lục II	70
3.	Phụ lục III	70
4.	Các phụ lục khác.....	70
VIII.	NHỮNG NGƯỜI CHỊU TRÁCH NHIỆM NỘI DUNG BẢN CÁO BẠCH..	71

DANH MỤC BẢNG BIỂU

Bảng 1. Danh mục ngành nghề kinh doanh chính của Công ty	11
Bảng 2. Quá trình tăng vốn điều lệ của Công ty	15
Bảng 3. Danh sách cổ đông nắm giữ từ 5% trở lên vốn cổ phần của công ty	21
Bảng 4. Danh sách cổ đông sáng lập của Công ty	22
Bảng 5. Cơ cấu cổ đông của Công ty	23
Bảng 6. Cơ cấu doanh thu của Công ty 2 năm gần nhất	25
Bảng 7. Cơ cấu doanh thu thuần từ bán hàng và cung cấp dịch vụ	26
Bảng 8. Cơ cấu lợi nhuận gộp từ hoạt động bán hàng và cung cấp dịch vụ	27
Bảng 9. Cơ cấu chi phí của Công ty 2 năm gần nhất	28
Bảng 10. Danh sách các hợp đồng lớn đang thực hiện hoặc đã được ký kết.....	33
Bảng 11. Kết quả hoạt động sản xuất kinh doanh của Công ty trong năm 2017 - 2018 và quý I năm 2019.....	34
Bảng 12. So sánh tình hình tài chính và hoạt động sản xuất kinh doanh với các doanh nghiệp cùng ngành	37
Bảng 13. Cơ cấu lao động của Công ty tại thời điểm 31/03/2019	39
Bảng 14. Tỷ lệ chi trả cổ tức 2 năm gần nhất của Công ty	40
Bảng 15. Các khoản thuế phải nộp Nhà nước	41
Bảng 16. Số dư các quỹ thuộc vốn chủ sở hữu	42
Bảng 17. Các khoản phải thu của Công ty	42
Bảng 18. Các khoản nợ phải trả của Công ty	43
Bảng 19. Các chỉ tiêu tài chính chủ yếu.....	44
Bảng 20. Tình hình tài sản của Công ty tại thời điểm 31/12/2018	57
Bảng 21. Tình hình tài sản của Công ty tại thời điểm 31/03/2019	57
Bảng 22. Kế hoạch sản xuất kinh doanh, lợi nhuận và cổ tức năm 2019-2020	58
Bảng 23. Kết quả thực hiện quý I năm 2019.....	62
Bảng 24. Danh sách hạn chế chuyển nhượng	64

I. CÁC NHÂN TỐ RỦI RO

1. Rủi ro về kinh tế

Trong một nền kinh tế mở cửa và hội nhập, rủi ro và sự lan truyền rủi ro là một điều không thể tránh khỏi. Bất cứ thị trường nào, dù phát triển hay không phát triển, mới nổi hay cận biên,... cũng đều chịu sự chi phối của nhân tố này. Về mặt tổng quát, loại hình rủi ro này chịu sự chi phối đến từ chính sự biến động của các thành tố cơ bản trong nền kinh tế: Tổng sản phẩm quốc nội, lạm phát, lãi suất, tỷ giá hối đoái, cán cân mậu dịch,... Nền kinh tế hội nhập không chỉ kéo theo sự lan truyền rủi ro ngày càng nhanh mà còn khuếch đại tác động mà rủi ro đó mang lại. Là một cá thể tham gia vào tổng thể hoạt động của nền kinh tế, chắc chắn Công ty cũng không nằm ngoài phạm vi ảnh hưởng trước sự thay đổi của các nhân tố đó.

1.1. Rủi ro về tăng trưởng

Năm 2017 tăng trưởng kinh tế đạt 6,81%, vượt chỉ tiêu 6,7% do Quốc hội đề ra, và là mức tăng trưởng cao nhất trong 10 năm qua. Sự tăng trưởng trong năm 2017 thể hiện bằng việc đánh dấu kỷ lục về tăng trưởng kinh tế, thu hút vốn đầu tư nước ngoài, kim ngạch thương mại hay khách du lịch đến Việt Nam. Lần đầu tiên sau nhiều năm, Việt Nam đạt và vượt toàn bộ 13 chỉ tiêu kinh tế - xã hội trong năm. Quy mô nền kinh tế năm 2017 theo giá hiện hành đạt trên 5 triệu tỷ đồng, trong đó khu vực công nghiệp - xây dựng và dịch vụ tiếp tục là thành phần chủ lực, đóng góp 74% vào quy mô nền kinh tế. GDP đầu người năm 2017 đạt 53,5 triệu đồng/năm (2.385 USD), tăng 170 USD so với 2016. Tuy nhiên bội chi ngân sách, năng suất lao động thấp, thiên tai vẫn là những thách thức với nền kinh tế. Cụ thể tổng thu ngân sách sau nhiều nỗ lực vẫn không đủ bù cho chi khi chỉ đạt hơn 1,1 triệu tỷ đồng, bằng 91,1% dự toán năm.

Năm 2018, Việt Nam tiếp tục đạt mức tăng trưởng ấn tượng là 7,08%. Con số này cao hơn nhiều các nước trong khu vực và cao nhất trong 10 năm qua kể từ cuộc khủng hoảng kinh tế thế giới năm 2008. Sự đóng góp của các ngành nông, lâm nghiệp và thủy sản; công nghiệp và xây dựng; dịch vụ lần lượt là các mức tăng trưởng 3,76%; 8,85%; 7,03% so với cùng kỳ năm 2017. Trong năm có tổng cộng 131.275 doanh nghiệp đăng ký thành lập mới, có 34.010 doanh nghiệp trở lại hoạt động và số doanh nghiệp dừng hoạt động là 90.651 doanh nghiệp.

Sự tăng trưởng kinh tế sẽ tác động tích cực đến các doanh nghiệp nói chung và Công ty cổ phần Tin học viễn thông Petrolimex nói riêng nhưng đồng thời cũng đem đến thách thức từ sự cạnh tranh với các công ty trong và ngoài nước, xu hướng dịch chuyển lao động quốc tế và sự hội nhập kinh tế thế giới.

1.2. Rủi ro về lạm phát

Lạm phát năm 2017 chỉ ở mức 3,53%, thấp hơn mục tiêu mà Quốc hội giao là 4%. Năm 2018, Chính phủ cũng kiểm soát lạm phát thành công khi mức lạm phát chỉ dừng ở 3,54%, vẫn thấp hơn con số 4% mà Quốc hội đề ra. Có 8/11 nhóm hàng hóa và dịch vụ chủ yếu có CPI tháng 12 tăng so với tháng trước, trong đó nhóm thuốc và dịch vụ y tế tăng cao nhất 5,76% (dịch vụ y tế tăng 7,53%) do giá dịch vụ y tế điều chỉnh tăng theo Thông tư số 39/2018/TT/BYT ngày 30/11/2018 (làm CPI chung tăng 0,29%); may mặc, mũ nón, giày dép tăng 0,43%; đồ uống và thuốc lá tăng 0,22%; thiết bị và đồ dùng gia đình tăng 0,16%; hàng ăn và dịch vụ ăn uống tăng 0,05% (lương thực tăng 0,17%; thực phẩm giảm 0,02%); nhóm bưu chính viễn thông và nhóm văn hóa, giải trí và du lịch cùng tăng 0,02%; hàng hóa và dịch vụ khác tăng 0,24%.

1.3. Rủi ro lãi suất

Năm công cụ để điều hành chính sách tiền tệ quốc gia bao gồm: Tái cấp vốn, lãi suất (lãi suất tái cấp vốn, lãi suất cơ bản và các loại lãi suất khác), tỷ giá hối đoái, tỷ lệ dự trữ bắt buộc và nghiệp vụ thị trường mở. Trong đó lãi suất được xem là một trong những công cụ quan trọng nhất và hữu dụng hàng đầu của chính sách tiền tệ. Về phía Công ty, rủi ro về lãi suất xảy ra do giá trị của các dòng tiền trong tương lai của một công cụ tài chính sẽ biến động theo sự thay đổi của lãi suất thị trường. Dòng tiền đó có thể đến từ các khoản tiền gửi có hoặc không có kỳ hạn, các khoản vay nợ chịu lãi suất thả nổi,... Mức lãi suất được sử dụng nhiều nhất để tham chiếu đó là lãi suất huy động và lãi suất cho vay. Trong năm 2017 lãi suất huy động có xu hướng giảm, cụ thể lãi suất các kỳ hạn qua đêm, một tuần và một tháng giảm lần lượt 0,31%/năm, 0,31%/năm và 0,10%/năm xuống mức 0,84%/năm, 1,08%/năm và 2,48%/năm tại ngày 15/12/2017. Lãi suất cho vay các lĩnh vực sản xuất kinh doanh thông thường ở mức 6,8-9%/năm đối với ngắn hạn, 9,3-11%/năm đối với trung và dài hạn. Còn trong năm 2018, có thông tin nổi bật về một số “ông lớn” của ngành ngân hàng thực hiện giảm lãi suất cho vay. Cụ thể, Vietcombank giảm lãi suất cho vay ngắn hạn bằng VND đối với các lĩnh vực ưu tiên, về mức 6%/năm; Agribank cũng giảm lãi suất cho

vay ngắn hạn từ tối đa 6,5%/năm xuống còn tối đa 6%/năm và giảm lãi suất cho vay trung, dài hạn từ 8%/năm xuống còn từ 7,5%/năm; VietinBank áp dụng mức lãi suất chỉ từ 5%/năm dành cho đối tượng khách hàng là các doanh nghiệp nhỏ, có thời hạn vay tối đa 01 tháng.

Tuy nhiên tại thời điểm cuối năm 2018, nhiều ngân hàng lớn và ngân hàng thương mại điều chỉnh tăng lãi suất. Ví dụ, tại BIDV, một số kỳ hạn lãi suất huy động đã được điều chỉnh tăng khoảng 0,2%. Nếu như vào tháng 9, kỳ hạn 1 tháng và 2 tháng tăng 0,2% từ mức 4,1%/năm lên 4,3%/năm thì hiện kỳ hạn này, lãi suất tăng lên 4,5%/năm. Việc tăng lãi suất huy động được đánh giá là mang tính chu kỳ thường diễn ra vào quý 4 hàng năm. Từ đó làm lãi suất cho vay có xu hướng tăng. Với các doanh nghiệp, việc tăng lãi suất sẽ làm tăng chi phí tài chính từ đó tăng chi phí sản xuất kinh doanh. Vì vậy, nhìn chung rủi ro về lãi suất vẫn là một trong những rủi ro tiềm ẩn mà Công ty phải đối mặt trong những năm tới.

2. Rủi ro về luật pháp

Tính ổn định và thống nhất của hệ thống luật pháp sẽ tác động đến hoạt động sản xuất kinh doanh của Công ty cũng như của các doanh nghiệp khác. Công ty chịu ảnh hưởng và chi phối bởi Luật doanh nghiệp, các quy định về thuế, các quy định của Nhà nước về chứng khoán và thị trường chứng khoán cùng nhiều quy định khác. Pháp luật Việt Nam đang trong quá trình sửa đổi, hoàn thiện để phù hợp với thực tiễn và quá trình hội nhập quốc tế nên có nhiều thay đổi, biến động. Bất cứ sự thay đổi nào cũng tác động đến hoạt động sản xuất, kinh doanh của Công ty.

Khả năng quản trị và kiểm soát hoạt động doanh nghiệp là một trong những yếu tố quan trọng góp phần hạn chế rủi ro pháp lý. Cùng với quá trình phát triển, Công ty sẽ tiếp tục có cơ chế theo dõi, cập nhật và điều chỉnh để có sự thích nghi tốt nhất với sự thay đổi của môi trường pháp lý.

3. Rủi ro đặc thù

Bên cạnh những rủi ro về nền kinh tế, rủi ro về môi trường pháp lý, cũng như những doanh nghiệp khác, Công ty phải đối mặt với các rủi ro về thị trường, rủi ro trong hoạt động và rủi ro về quản lý và nhân sự.

3.1. Rủi ro thị trường

Khi Việt Nam gia nhập AFTA, APEC, WTO và hiệp định thương mại Việt - Mỹ, thì sự gia nhập của các công ty viễn thông nước ngoài sẽ làm thay đổi tính chất cạnh tranh của thị trường viễn thông Việt Nam. Điều đó tạo ra cơ hội cũng như thách thức đối với tất cả các công ty trong nước. Các công ty trong nước có động lực để phát triển khi hòa mình vào môi trường công nghệ hiện đại, kỹ thuật tiên tiến, tuy nhiên, họ phải cạnh tranh với các công ty nước ngoài có bề dày kinh nghiệm, công nghệ và tiềm lực tài chính vượt trội. Bên cạnh đó, khi thị trường viễn thông trong nước phát triển khiến cho ngày một nhiều các công ty cung cấp dịch vụ viễn thông ra đời. Bản thân các công ty trong nước cũng phải không ngừng cạnh tranh lẫn nhau để giữ vững và mở rộng thị trường.

3.2. Rủi ro trong hoạt động

Sự phát triển nhanh về công nghệ, dịch vụ trên thế giới cũng như trong khu vực trong điều kiện chu kỳ thay đổi công nghệ trong lĩnh vực bưu chính viễn thông, điện tử tin học ngày càng ngắn là một sức ép rất lớn, đặt các công ty hoạt động trong những lĩnh vực này trước nguy cơ tiềm ẩn tụt hậu về công nghệ và giảm khả năng cạnh tranh nếu không có chiến lược tiếp cận một cách linh hoạt. Đây là một trong những rủi ro kinh doanh lớn nhất của Công ty.

3.3. Rủi ro về quản lý và nhân sự

Là doanh nghiệp hoạt động trong lĩnh vực công nghệ cao, cạnh tranh lớn nên quản lý và nhân sự cũng là một trong những yếu tố tác động đến hoạt động của Công ty. Nếu Công ty có chính sách cho người lao động tốt, lương và đãi ngộ tốt sẽ thu hút được cán bộ giỏi, ngược lại, Công ty sẽ gặp khó khăn khi không có lao động trình độ cao. Đây cũng là rủi ro tiềm ẩn nếu Công ty không có chiến lược đúng đắn.

4. Rủi ro khác

Rủi ro về chiến lược, tầm nhìn dẫn tới việc đầu tư không thích đáng cho nghiên cứu; Không phát triển được những sản phẩm hàm lượng công nghệ cao, sản phẩm mới độc đáo, đáp ứng tốt hơn nhu cầu của người dùng và những dịch vụ tin học đặc thù có khả năng khai thác bền vững trên quy mô lớn. Các hoạt động đầu tư thiếu hiệu quả sẽ kéo theo nhiều hệ lụy về vốn, dòng tiền và kết quả kinh doanh.

Rủi ro về bảo mật thông tin: Thông tin là một trong những tài sản quan trọng, quý giá đối với Công ty. Những rủi ro như bị lộ, bị thay đổi, bị mất mát, bị từ chối đều ảnh hưởng nghiêm trọng đến hoạt động, đến uy tín, đến chiến lược của Công ty.

Những rủi ro kinh doanh thông thường như nợ xấu mất kiểm soát, đặc biệt là các khách hàng ngoài hệ thống Petrolimex, hàng tồn cao, biến động về lãi suất, tỷ giá hối đoái, thay đổi của giá thị trường,...

Ngoài ra, Công ty có thể gặp một số rủi ro khác mang tính bất khả kháng như động đất, bão, lụt, hỏa hoạn, dịch bệnh,... đều có khả năng gây ảnh hưởng xấu đến hoạt động kinh doanh của Công ty.

II. NHỮNG NGƯỜI CHỊU TRÁCH NHIỆM CHÍNH ĐỐI VỚI NỘI DUNG BẢN CÁO BẠCH

1. Tổ chức niêm yết

CÔNG TY CỔ PHẦN TIN HỌC VIỄN THÔNG PETROLIMEX

Ông Phan Thanh Sơn	: Chủ tịch HĐQT kiêm Giám đốc
Ông Nguyễn Đàm Kiên	: Trưởng Ban kiểm soát
Ông Nguyễn Văn Quý	: Phó Giám đốc kiêm Kế toán trưởng

Chúng tôi đảm bảo rằng các thông tin và số liệu trong Bản cáo bạch này là phù hợp với thực tế mà chúng tôi được biết, hoặc đã điều tra, thu thập một cách hợp lý.

2. Tổ chức tư vấn

CÔNG TY CỔ PHẦN CHỨNG KHOÁN FPT

Bà Nguyễn Thị Hạnh	: Giám đốc Tư vấn tài chính doanh nghiệp
--------------------	--

(Theo ủy quyền số 103-2018/QĐ/FPTS-FHR ngày 13/12/2018 của Tổng Giám đốc Công ty Cổ phần Chứng khoán FPT)

Bản cáo bạch này là một phần của hồ sơ đăng ký niêm yết do Công ty cổ phần Chứng khoán FPT tham gia lập trên cơ sở **Hợp đồng tư vấn số 22/2019/FPTS/FCF-HN/PIA** với Công ty Cổ phần Tin học Viễn thông Petrolimex. Chúng tôi đảm bảo rằng việc phân tích, đánh giá và lựa chọn ngôn từ trên Bản cáo bạch này đã được thực hiện một cách hợp lý và cân trọng dựa trên cơ sở các thông tin và số liệu do Công ty Cổ phần Tin học Viễn thông Petrolimex cung cấp.

III. CÁC KHÁI NIỆM

Công ty/ PIACOM	Công ty Cổ phần Tin học Viễn thông Petrolimex
ĐHĐCĐ	Đại hội đồng cổ đông
HĐQT	Hội đồng quản trị
BKS	Ban Kiểm soát
BCTC	Báo cáo tài chính
CMT	Chứng minh thư nhân dân
CCCD	Căn cước công dân
GCNDKKD	Giấy chứng nhận đăng ký kinh doanh
CNTT	Công nghệ thông tin
CBNV	Cán bộ nhân viên
UBCK	Ủy ban Chứng khoán Nhà nước
SGDHN	Sở Giao dịch Chứng khoán Hà Nội

IV. TÌNH HÌNH VÀ ĐẶC ĐIỂM CỦA TỔ CHỨC NIÊM YẾT

1. Tóm tắt quá trình hình thành và phát triển:

1.1. Giới thiệu chung về tổ chức niêm yết

Tên công ty	:	CÔNG TY CỔ PHẦN TIN HỌC VIỄN THÔNG PETROLIMEX
Tên tiếng Anh	:	PETROLIMEX INFORMATION TECHNOLOGY AND TELECOMMUNICATION JOINT STOCK COMPANY
Tên viết tắt	:	PIACOM ,JSC
Mã chứng khoán	:	PIA
Logo	:	



Vốn điều lệ đăng ký : 39.000.000.000 VND (Ba mươi chín tỷ đồng)

Vốn điều lệ thực góp : 39.000.000.000 VND (*Ba mươi chín tỷ đồng*)

Người đại diện theo pháp luật : Phan Thanh Sơn - Chức vụ: Giám đốc

Trụ sở chính : Số 01 Khâm Thiên, Phường Khâm Thiên, Quận Đống Đa, TP. Hà Nội

Văn phòng công ty : Tầng 15, tòa nhà Detech – Số 8C Tôn Thất Thuyết, Phường Mỹ Đình 2, Quận Nam Từ Liêm, Thành phố Hà Nội

Số điện thoại : (024) 3518 2072

Số fax : (024) 3518 2067

Website : www.piacom.com.vn

GCN đăng ký kinh doanh/Giấy phép hoạt động : Số 0101409374 do Sở kế hoạch và Đầu tư thành phố Hà Nội cấp lần đầu ngày 23/09/2003, đăng ký thay đổi lần thứ 6 ngày 25/07/2018

Đăng ký công ty đại chúng : Công ty trở thành công ty đại chúng ngày 29/05/2015

Ngành nghề kinh doanh chính:

Lĩnh vực kinh doanh chính của Công ty Cổ phần Tin học Viễn thông Petrolimex bao gồm

Bảng 1. Danh mục ngành nghề kinh doanh chính của Công ty

STT	Mã ngành	Hoạt động kinh doanh
1	6201	Lập trình máy vi tính <i>Chi tiết:</i> Sản xuất phần mềm;
2	4651	Bán buôn máy vi tính, thiết bị ngoại vi và phần mềm <i>Chi tiết:</i> - Cung cấp phần mềm; - Mua bán máy tính, phần mềm, thiết bị ngoại vi, các thiết bị điện tử, tin học, thiết bị tự động hóa và các hệ thống dây chuyền công nghiệp;
3	4652	Bán buôn thiết bị và linh kiện điện tử, viễn thông <i>Chi tiết:</i> Buôn bán vật tư, thiết bị bưu chính viễn thông, thiết bị đo lường điều khiển, thiết bị tự động hoá, thiết bị điện, linh kiện điện tử;
4	6202	Tư vấn máy vi tính và quản trị hệ thống máy vi tính <i>Chi tiết:</i> Tư vấn phần mềm;
5	7410	Hoạt động thiết kế chuyên dụng <i>Chi tiết:</i> Tư vấn, thiết kế hệ thống tự động hoá (không bao gồm dịch vụ thiết kế công trình và thiết kế phương tiện vận tải);
6	3320	Lắp đặt máy móc và thiết bị công nghiệp <i>Chi tiết:</i> Lắp đặt máy tính, phần mềm, thiết bị ngoại vi, các thiết bị điện tử, tin học, thiết bị tự động hóa và các hệ thống dây chuyền công nghiệp;
7	3313	Sửa chữa thiết bị điện tử và quang học

STT	Mã ngành	Hoạt động kinh doanh
		<i>Chi tiết:</i> Bảo dưỡng và sửa chữa máy tính, phần mềm, thiết bị ngoại vi, các thiết bị điện tử, tin học, thiết bị tự động hóa và các hệ thống dây chuyền công nghiệp;
8	8532	Giáo dục nghề nghiệp <i>Chi tiết:</i> - Đào tạo nâng cao trình độ nghiệp vụ chuyên môn trong lĩnh vực điện tử, tin học, tự động hóa; - Dạy nghề điện tử, tự động hóa, tin học;
9	7490	Hoạt động chuyên môn, khoa học và công nghệ khác chưa được phân vào đâu <i>Chi tiết:</i> - Dịch vụ phát triển và ứng dụng khoa học kỹ thuật; - Tư vấn về chuyển giao công nghệ và các giải pháp kỹ thuật trong lĩnh vực điện tử, tin học, tự động hóa;

Nguồn: Công ty Cổ phần Tin học Viễn thông Petrolimex

1.2. Tóm tắt quá trình hình thành, phát triển

Ngày 24/01/1996: Thành lập Trung tâm Tin học và Tự động hóa Petrolimex (gọi tắt là Trung tâm) trực thuộc Tổng Công ty Xăng dầu Việt Nam (nay là Tập đoàn Xăng dầu Việt Nam) theo quyết định số: 049/XD-QĐ ngày 24/01/1996. Trung tâm là đơn vị hạch toán kế toán phụ thuộc, được mở tài khoản tại ngân hàng, có con dấu riêng để giao dịch.

Ngày 08/05/2003, tại công văn số 589/CP-ĐMDN Thủ tướng Chính phủ cho phép cổ phần hóa và chuyển Trung tâm Tin học và Tự động hóa Petrolimex thành công ty cổ phần, cho phép Tổng Công ty Xăng dầu Việt Nam góp 51% vốn Điều lệ để thành lập Công ty Cổ phần Tin học Viễn Thông Petrolimex (PIACOM) với vai trò cổ đông chi phối.

Ngày 19/08/2003: Tổ chức Đại hội đồng cổ đông thành lập Công ty. Công ty chính thức hoạt động theo hình thức Công ty cổ phần theo Giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp Công ty cổ phần số 0101409374 do Sở Kế hoạch và Đầu tư Thành phố Hà Nội cấp lần đầu ngày 23 tháng 09 năm 2003 với vốn điều lệ là 30 tỷ đồng.

Ngày 16/05/2008: Hội đồng quản trị Công ty đã quyết định thành lập Chi nhánh Công ty. Sở Kế hoạch và Đầu tư Thành phố Hà Nội cấp giấy chứng nhận đăng ký hoạt động lần đầu ngày 21/05/2008.

Ngày 26/10/2010: Hội đồng quản trị Công ty đã quyết định thành lập Văn phòng đại diện tại TP. Hồ Chí Minh.

Ngày 30/03/2015: Hội đồng quản trị Công ty thông qua quyết định Chấm dứt hoạt động của Chi nhánh. Đến ngày 11/01/2016 Cục thuế TP Hà Nội thông báo Công ty hoàn thành thủ tục đóng mã số thuế cho Chi nhánh.

Ngày 29/05/2015: Công ty trở thành công ty đại chúng theo Công văn số: 2707/UBCK-QLPH ngày 29/05/2015 của Ủy ban Chứng khoán Nhà nước.

Ngày 09/12/2016: Công ty được Trung tâm Lưu ký chứng khoán Việt Nam cấp Giấy chứng nhận đăng ký chứng khoán với mã chứng khoán là PIA theo quyết định số: 183/2016/GCNCP/VSD.

Ngày 13/02/2017: Công ty hoàn thành thủ tục đăng ký giao dịch UPCOM tại Sở Giao dịch Chứng khoán Hà Nội (HNX) theo quyết định số: 99/QĐ-SGDHN và bắt đầu giao dịch 3.000.000 cổ phiếu trên Sàn Giao dịch Chứng khoán Hà Nội kể từ ngày 22/02/2017 (mã cổ phiếu: PIA). Kể từ ngày trở thành Công ty đại chúng và đăng ký giao dịch cổ phiếu trên sàn giao dịch UPCOM của Sở Giao dịch Chứng khoán Hà Nội, Công ty luôn tuân thủ các quy định liên quan về công bố thông tin trên thị trường chứng khoán bao gồm công bố thông tin định kỳ (như công bố Báo cáo tài chính kiểm toán năm, công bố thông tin về họp đại hội đồng cổ đông,...) và công bố thông tin bất thường (như công bố nghị quyết và biên bản họp Đại hội đồng cổ đông, nghị quyết Hội đồng quản trị, công bố thay đổi nhân sự, giao dịch của cổ đông nội bộ và người có liên quan,...). Công ty tiến hành công bố thông tin trên trang thông tin điện tử của Công ty, hệ thống công bố thông tin của Ủy ban Chứng khoán Nhà nước (IDS) và Sở Giao dịch chứng khoán Hà Nội (CIMS).

Trong quá trình phát triển, Công ty tự hào đã góp phần vào sự nghiệp hiện đại hóa ngành kinh doanh Xăng dầu Việt Nam. Các ứng dụng Công nghệ thông tin và Tự động hóa do Công ty cung cấp đã làm thay đổi diện mạo hoạt động quản lý kinh doanh xăng dầu tại Tổng Công ty Xăng dầu Việt Nam từ những năm đầu thập kỷ 90 của thế kỷ XX; Tạo dựng uy tín chữ P từ hình ảnh nhà phân phối và cung cấp dịch vụ xăng dầu chuyên nghiệp, nâng cao năng suất lao động, hiệu quả kinh doanh và văn minh thương mại tại hệ thống kho tàng, bến xuất và hàng ngàn cửa hàng bán lẻ xăng dầu đã được xây dựng mới trong gần 25 năm qua.

Các sản phẩm Công nghệ thông tin và Tự động hóa của Công ty là sự kết hợp hài hòa giữa công nghệ tiên tiến với quy trình nghiệp vụ căn bản và kinh nghiệm quản lý được tích lũy qua nhiều cơ chế và từng thế hệ cán bộ nhân viên ngành xăng dầu, là một bộ phận không

thể thiếu trong các doanh nghiệp kinh doanh xăng dầu, các kho, Tổng kho xăng dầu hiện đại trên lãnh thổ Việt Nam.

PIACOM ngày nay đã có mặt trên khắp miền đất nước. Với đội ngũ chuyên nghiệp trên 100 thạc sỹ, kỹ sư Công nghệ thông tin và Tự động hóa, PIACOM sẵn sàng đáp ứng mọi yêu cầu quản lý xăng dầu bằng công nghệ hiện đại, tiên tiến, luôn được cập nhật từ các hãng cung cấp hàng đầu thế giới.

Với sự phát triển không ngừng trong hoạt động kinh doanh cũng như về quy mô tổ chức của Công ty, việc chuyển đổi thành Công ty đại chúng, tiến tới niêm yết trên Sở giao dịch chứng khoán là hướng đi cần thiết và tất yếu của PIACOM. Mô hình Công ty đại chúng sẽ tạo ra những điều kiện tốt về tài chính cũng như tổ chức để Công ty tăng cường đẩy mạnh các hoạt động đầu tư kinh doanh về cả chiều sâu lẫn quy mô.

Các thành tích đạt được

- ❖ Huân chương lao động hạng ba năm 2018.
- ❖ Top 100 sản phẩm dịch vụ ưu việt vì cộng đồng năm 2015 do tạp chí Doanh nghiệp và Thương hiệu tổ chức.
- ❖ Top 30 doanh nghiệp công nghệ thông tin hàng đầu Việt Nam năm 2014 do Hiệp hội Phần mềm & Dịch vụ CNTT Việt Nam (VINASA) bình chọn.
- ❖ Danh hiệu Cờ thi đua của Chính phủ năm 2013.
- ❖ Bằng khen của Thủ tướng Chính phủ năm 2013.
- ❖ Giải thưởng Sao Khuê năm 2008 dành cho sản phẩm Hệ thống chương trình quản trị kinh doanh kế toán ngành xăng dầu (PBM).

1.3. Quá trình tăng vốn điều lệ

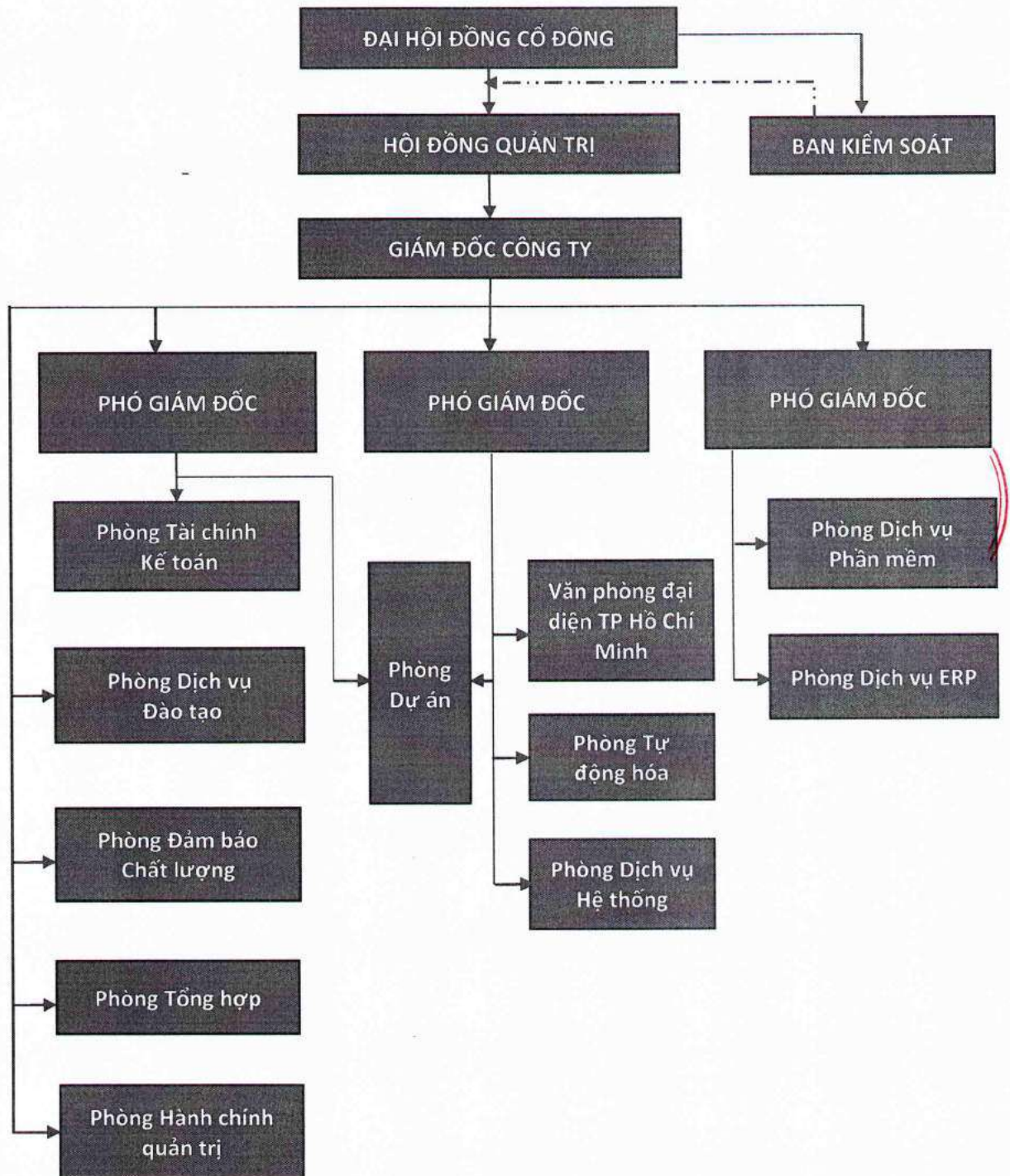
Từ khi hoạt động theo mô hình công ty cổ phần đến nay, Công ty Cổ phần Tin học Viễn thông Petrolimex có 01 lần tăng vốn điều lệ từ 30.000.000.000 đồng lên 39.000.000.000 đồng. Cụ thể quá trình tăng vốn như sau:

Bảng 2. Quá trình tăng vốn điều lệ của Công ty

Thời điểm	Số lượng cổ phần phát hành	Vốn điều lệ sau khi phát hành (VND)	Phương thức tăng vốn	Cơ sở pháp lý
25/07/2018	900.000	39.000.000.000	Phát hành cổ phiếu để trả cổ tức năm 2017	<ul style="list-style-type: none"> - Nghị quyết ĐHĐCĐ số 44/PIACOM-NQ-ĐHĐCĐ ngày 19/04/2018 của Công ty Tin học Viễn thông Petrolimex; - Nghị quyết HĐQT số 68/PIACOM-NQ-HĐQT ngày 28/05/2018 của Công ty Tin học Viễn thông Petrolimex về việc Triển khai thực hiện phương án phát hành cổ phiếu để trả cổ tức; - Công văn số 475/PIACOM-BC-TCKT ngày 02/07/2018 của Công ty Tin học Viễn thông Petrolimex gửi UBCKNN về việc Báo cáo phát hành cổ phiếu để trả cổ tức năm 2017; - Công văn số 4288/UBCK-QLCB của Ủy ban Chứng khoán Nhà nước về việc Báo cáo kết quả phát hành cổ phiếu để trả cổ tức của PIA.

Nguồn: Công ty Cổ phần Tin học Viễn Thông Petrolimex

2. Cơ cấu tổ chức và bộ máy quản lý của công ty



Công ty Cổ phần Tin học Viễn thông Petrolimex thiết lập cơ cấu tổ chức và bộ máy quản lý phù hợp với đặc điểm tình hình kinh doanh theo mô hình công ty cổ phần trên cơ sở tuân thủ Điều lệ Công ty, tuân thủ quy định của Luật Doanh nghiệp và quy định pháp lý có liên quan.

2.1. Đại hội đồng cổ đông

Đại hội đồng cổ đông (ĐHĐCĐ) gồm tất cả các cổ đông có quyền biểu quyết, là cơ quan quyết định cao nhất của Công ty. ĐHĐCĐ họp thường niên mỗi năm một lần, ngoài cuộc họp thường niên, ĐHĐCĐ có thể họp bất thường. ĐHĐCĐ có quyền và nghĩa vụ được quy định trong Luật pháp và Điều lệ của công ty quy định. ĐHĐCĐ thông qua các số liệu Báo cáo tài chính (BCTC) hàng năm của Công ty và kế hoạch kinh doanh cho năm tiếp theo. Ngoài ra, ĐHĐCĐ có nhiệm vụ chính là bầu, miễn nhiệm, bãi nhiệm thành viên Hội đồng quản trị (HĐQT), thành viên Ban kiểm soát (BKS) của Công ty.

2.2. Hội đồng quản trị

HĐQT là cơ quan quản lý Công ty, có toàn quyền nhân danh Công ty để quyết định, thực hiện các quyền và nghĩa vụ của Công ty không thuộc thẩm quyền của ĐHĐCĐ.

Quyền và nghĩa vụ của HĐQT do Luật pháp và Điều lệ của Công ty quy định. HĐQT bao gồm 05 thành viên trong đó có 02 thành viên điều hành và 03 thành viên không điều hành Công ty.

Họ tên	Chức vụ	Điều hành
Ông Phan Thanh Sơn	Chủ tịch HĐQT	Có
Ông Lê Minh Quốc	Thành viên HĐQT	Không
Ông Trần Ngọc Tuấn	Thành viên HĐQT	Có
Ông Hoàng Hải Đường	Thành viên HĐQT	Không
Ông Nguyễn Anh Toàn	Thành viên HĐQT	Không

2.3. Ban kiểm soát

BKS do ĐHĐCĐ bầu ra, thay mặt cổ đông kiểm soát một cách độc lập, khách quan và trung thực mọi hoạt động sản xuất, kinh doanh, quản trị và điều hành của Công ty. Quyền và nghĩa vụ của BKS do Luật pháp và Điều lệ của Công ty quy định. BKS hoạt động với 3 thành viên, độc lập với HĐQT và Ban điều hành.

Họ tên	Chức vụ
Ông: Nguyễn Đàm Kiên	Trưởng Ban kiểm soát
Bà: Vũ Thị Hằng	Thành viên Ban kiểm soát
Bà: Trần Thị Hường	Thành viên Ban kiểm soát

2.4. Giám đốc

Giám đốc là người điều hành công việc kinh doanh hằng ngày của Công ty; chịu sự giám sát của HĐQT; chịu trách nhiệm trước HĐQT và trước pháp luật về việc thực hiện các quyền và nghĩa vụ được giao. Giúp việc cho Giám đốc có các Phó Giám đốc và Kế toán trưởng, ngoài ra giúp việc cho Giám đốc còn có các phòng/ban chức năng của Công ty. Quyền và nghĩa vụ của Ban Giám đốc do Luật pháp và Điều lệ của công ty quy định. Ban Giám đốc bao gồm 4 thành viên:

Họ tên	Chức vụ
Ông: Phan Thanh Sơn	Giám đốc
Ông: Trần Ngọc Tuấn	Phó Giám đốc
Ông: Nguyễn Văn Quý	Phó Giám đốc kiêm Kế toán trưởng
Ông: Trần Quang Hùng	Phó Giám đốc

2.5. Các phòng ban chức năng

Các phòng ban/đơn vị trong Công ty thực hiện chức năng, nhiệm vụ theo chức năng chuyên môn, được xây dựng theo cơ cấu tinh giản, gọn nhẹ nhưng vẫn đảm bảo cho việc quản lý, tổ chức, điều hành hoạt động sản xuất kinh doanh theo chỉ đạo của Ban điều hành đạt hiệu quả và năng suất cao, cụ thể như sau:

- ***Phòng Tổng hợp:***

Tham mưu cho lãnh đạo Công ty tổ chức hệ thống quản trị nội bộ; chủ trì xây dựng hệ thống các quy định, quy chế quản lý nội bộ, xây dựng quy trình quản lý chất lượng theo tiêu chuẩn ISO, ứng dụng CNTT vào quản trị doanh nghiệp. Tổ chức xây dựng kế hoạch phát triển và triển khai quảng bá thương hiệu, hình ảnh của Công ty, hoạt động trang WEB và chủ trì tổ chức các sự kiện liên quan. Tham mưu cho lãnh đạo Công ty trong công tác phát triển nguồn nhân lực và thực hiện chế độ chính sách đối với người lao động. Thực hiện chức năng về thi đua khen thưởng, kỷ luật của Công ty. Thực hiện chức năng tổng hợp, giúp việc HĐQT và Ban điều hành Công ty.

- ***Phòng Tài chính Kế toán:***

Thực hiện các công việc về tài chính – kế toán liên quan đến hoạt động đầu tư, xây dựng cơ bản và kinh doanh của Công ty. Kế toán trưởng chịu trách nhiệm về tính chính xác,

trung thực phản ánh đầy đủ hoạt động sản xuất kinh doanh của Công ty trước Ban Giám đốc. Phân tích, đánh giá tình hình tài chính, kết quả kinh doanh của Công ty. Tư vấn, tham mưu cho lãnh đạo Công ty về các chiến lược tài chính ngắn, trung và dài hạn trên cơ sở các dự án đang và sẽ triển khai. Kiểm tra, giám sát tình hình, công tác tài chính kế toán để đảm bảo tuân thủ quy chế của Công ty và các quy định liên quan của Pháp luật.

- ***Phòng Hành chính Quản trị:***

Đảm bảo hệ thống cơ sở vật chất kỹ thuật và các điều kiện vật chất kỹ thuật cho mọi hoạt động của Công ty: Văn phòng làm việc, phương tiện đi lại. Công tác Văn thư – Lưu trữ. Công tác đối ngoại. Chuẩn bị hậu cần cho công tác triển khai các Dự án. Chuẩn bị cơ sở vật chất cho Công ty trong việc tổ chức các sự kiện.

- ***Phòng Dịch vụ Đào tạo:***

Xây dựng chiến lược kinh doanh đào tạo và kế hoạch thực hiện hàng năm. Xúc tiến các hợp đồng đào tạo. Xây dựng các nội dung, chương trình đào tạo. Biên soạn các giáo trình, tài liệu. Lập kế hoạch đào tạo. Tổ chức đội ngũ cán bộ để thực hiện đào tạo. Tổ chức hoạt động dịch vụ đào tạo.

- ***Phòng Dịch vụ Hệ thống:***

Cung cấp thiết bị và dịch vụ hệ thống công nghệ thông tin cho các nhu cầu thị trường. Tổ chức các dịch vụ kỹ thuật sau bán hàng: Bảo hành, bảo trì sản phẩm,...

- ***Phòng Đảm bảo Chất lượng:***

Đảm bảo hệ thống quản lý chất lượng hoạt động theo đúng chính sách chất lượng của Công ty đã công bố trong từng thời kỳ. Kiểm soát hoạt động theo quy trình, quy định và quy chế của hệ thống quản lý chất lượng. Tham mưu cho lãnh đạo Công ty trong công tác cải tiến, hoàn thiện hệ thống quản lý chất lượng trong toàn Công ty.

- ***Phòng Dự án:***

Lập kế hoạch kinh doanh, tổ chức theo dõi và đôn đốc tình hình thực hiện kế hoạch kinh doanh hàng năm. Tổ chức theo dõi quá trình triển khai các dự án, từ khâu ký kết đến thực hiện các hợp đồng kinh tế và kết thúc Dự án. Đánh giá hiệu quả kinh doanh định kỳ hàng tháng báo cáo Ban điều hành và trình bày trong các cuộc họp giao ban. Thực hiện các nghiệp vụ về thị trường và khách hàng: Tìm kiếm khách hàng, tham gia cùng các Phòng

chuyên môn đàm phán ký kết hợp đồng. Thành lập các Đội dự án để triển khai các Dự án. Bố trí nhân sự tham gia quản lý các Dự án. Quản lý các Dự án. Tổ chức các dịch vụ sau bán hàng. Quản lý các hoạt động của Văn phòng đại diện Công ty tại TP. Hồ Chí Minh.

- ***Phòng Tự động hóa:***

Tư vấn, thiết kế, tích hợp hệ thống tự động hóa. Kinh doanh thiết bị đo lường, thiết bị điều khiển tự động hóa. Xây dựng các phần mềm điều khiển, tích hợp,...

- ***Phòng Dịch vụ Phần mềm:***

Tham mưu cho cho lãnh đạo Công ty trong công tác điều hành hoạt động sản xuất thuộc lĩnh vực dịch vụ phần mềm. Cung cấp các giải pháp quản lý bằng phần mềm quản lý trong lĩnh vực kinh doanh xăng dầu.

- ***Phòng Dịch vụ ERP:***

Tham mưu cho lãnh đạo Công ty trong công tác điều hành hoạt động nghiên cứu, xây dựng giải pháp thuộc lĩnh vực phần mềm ERP. Cung cấp dịch vụ bảo hành/ bảo trì các sản phẩm phần mềm và ERP.

- ***Văn phòng đại diện Công ty tại Thành phố Hồ Chí Minh:***

Tham mưu cho Ban Giám đốc Công ty trong phát triển thị trường phía Nam. Xây dựng và tổ chức thực hiện kế hoạch hoạt động hàng năm. Tổ chức việc ký kết và thực hiện các Hợp đồng kinh tế theo ủy quyền của Công ty.

3. Danh sách cổ đông nắm giữ từ trên 5% vốn cổ phần của công ty; Danh sách cổ đông sáng lập và tỉ lệ cổ phần nắm giữ; Cơ cấu cổ đông

3.1. Danh sách cổ đông nắm giữ từ 5% trở lên vốn cổ phần của Công ty

Bảng 3. Danh sách cổ đông nắm giữ từ 5% trở lên vốn cổ phần của công ty

STT	Cổ đông	Số CMT/ Hộ chiếu/ CCCD hoặc GCNĐKKD	Địa chỉ	Số lượng cổ phần nắm giữ	Tỷ lệ (%) nắm giữ trên vốn điều lệ thực góp
1	CTCP – Tổng Công ty Xây lắp và Thương mại Petrolimex	0108231041	Tầng 15, tòa nhà Ngọc Khánh Plaza, số 1 Phạm Huy Thông, quận Ba Đình, Hà Nội	1.962.905	50,33%
2	Hoàng Hải Đường	011714327	Số 30, Ngõ 80, Chùa Láng, Láng Thượng Hà Nội	391.765	10,05%
Tổng cộng				2.354.670	60,38%

Nguồn: Danh sách cổ đông của Công ty chốt đến ngày 28/05/2019 do VSD cung cấp

3.2. Danh sách cổ đông sáng lập của Công ty

Công ty Cổ phần Tin học Viễn thông Petrolimex được Sở Kế hoạch và Đầu tư TP. Hà Nội cấp Giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp số 0101409374 cấp lần đầu ngày 23/09/2003 và thay đổi lần thứ 6 ngày 25/07/2018. Danh sách cổ đông sáng lập của Công ty như sau:

Bảng 4. Danh sách cổ đông sáng lập của Công ty

STT	Cổ đông sáng lập	Số CMT/ Hộ chiếu/ CCCD hoặc GCNĐKKD	Địa chỉ	Số lượng cổ phần nắm giữ tại thời điểm thành lập công ty	Số lượng cổ phần nắm giữ hiện tại	Tỷ lệ (%) nắm giữ trên vốn điều lệ thực góp
1	Tập đoàn Xăng dầu Việt Nam	0100107370	Số 1 Khâm Thiên, phường Khâm Thiên, Đống Đa, Hà Nội	1.530.000	0	0%
2	Công ty Cổ phần Công nghệ thông tin Tiên tiến Việt Nam	0004941845	Số 55C Lý Thường Kiệt, phường Trần Hưng Đạo, Hoàn Kiếm, Hà Nội	930.000	0	0%
3	Công ty Cổ phần Phát triển Công nghệ Hà Thành	0101294162	Số 99 Bùi Thị Xuân, phường Bùi Thị Xuân, Hai Bà Trưng, Hà Nội	180.000	0	0%

Nguồn: Công ty Cổ phần Tin học Viễn thông Petrolimex

Theo quy định tại Khoản 3, Điều 119 Luật Doanh nghiệp số 68/2014/QH13 ngày 26/11/2014: “Trong thời hạn 03 năm kể từ ngày công ty được cấp Giấy chứng nhận Đăng ký kinh doanh, cổ đông sáng lập có quyền tự do chuyển nhượng cổ phần phổ thông của mình cho cổ đông sáng lập khác nhưng chỉ được chuyển nhượng cổ phần của mình cho người không phải cổ đông sáng lập nếu được sự chấp thuận của Đại hội đồng cổ đông”. Đến thời điểm hiện nay, các quy định về hạn chế chuyển nhượng cổ phần phổ thông của các cổ đông sáng lập đã hết hiệu lực.

3.3. Cơ cấu cổ đông

Bảng 5. Cơ cấu cổ đông của Công ty

STT	Cổ đông	Số lượng cổ đông	Số cổ phần nắm giữ (cổ phần)	Giá trị cổ phần nắm giữ (đồng)	Tỷ lệ trên vốn điều lệ (%)
I	Cổ đông trong nước	192	3.611.750	36.117.500.000	92,61
1.1	Tổ chức	5	2.110.975	21.109.750.000	54,13
1.2	Cá nhân	187	1.500.775	15.007.750.000	38,48
II	Cổ đông nước ngoài	12	288.250	2.882.500.000	7,39
2.1	Cá nhân	10	267.090	2.670.900.000	6,85
2.2	Tổ chức	2	21.160	211.600.000	0,54
III	Cổ phiếu quỹ	0	0	0	0,00
Tổng cộng		204	3.900.000	39.000.000.000	100,00

Nguồn: Danh sách cổ đông của Công ty chốt đến ngày 28/05/2019 do VSD cung cấp

4. Danh sách những công ty mẹ và công ty con của tổ chức đăng ký niêm yết, những công ty mà tổ chức đăng ký niêm yết đang nắm giữ quyền kiểm soát hoặc cổ phần chi phối, những công ty nắm quyền kiểm soát hoặc cổ phần chi phối đối với tổ chức đăng ký niêm yết

- Công ty mẹ**

Tên công ty	:	CTCP – Tổng Công ty Xây lắp và Thương mại Petrolimex
Địa chỉ	:	Tầng 15, Tòa nhà Ngọc Khánh Plaza, Số 1 Phạm Huy Thông, quận Ba Đình, Hà Nội
Điện thoại	:	024.3255.5511
Vốn điều lệ	:	402.821.000.000 đồng
Giấy CN ĐKKD	:	0108231041 cấp lần đầu ngày 11/04/2018
Tỷ lệ nắm giữ	:	50,33%
Ngành nghề kinh doanh chính	:	Xây dựng công trình và kinh doanh thương mại

- Công ty con:** Không có
- Công ty liên doanh, liên kết:** Không có
- Công ty mà tổ chức đăng ký niêm yết đang nắm quyền kiểm soát hoặc cổ phần chi phối:** Không có

- Công ty nắm quyền kiểm soát hoặc cổ phần chi phối đối với tổ chức đăng ký niêm yết: Không

5. Hoạt động kinh doanh

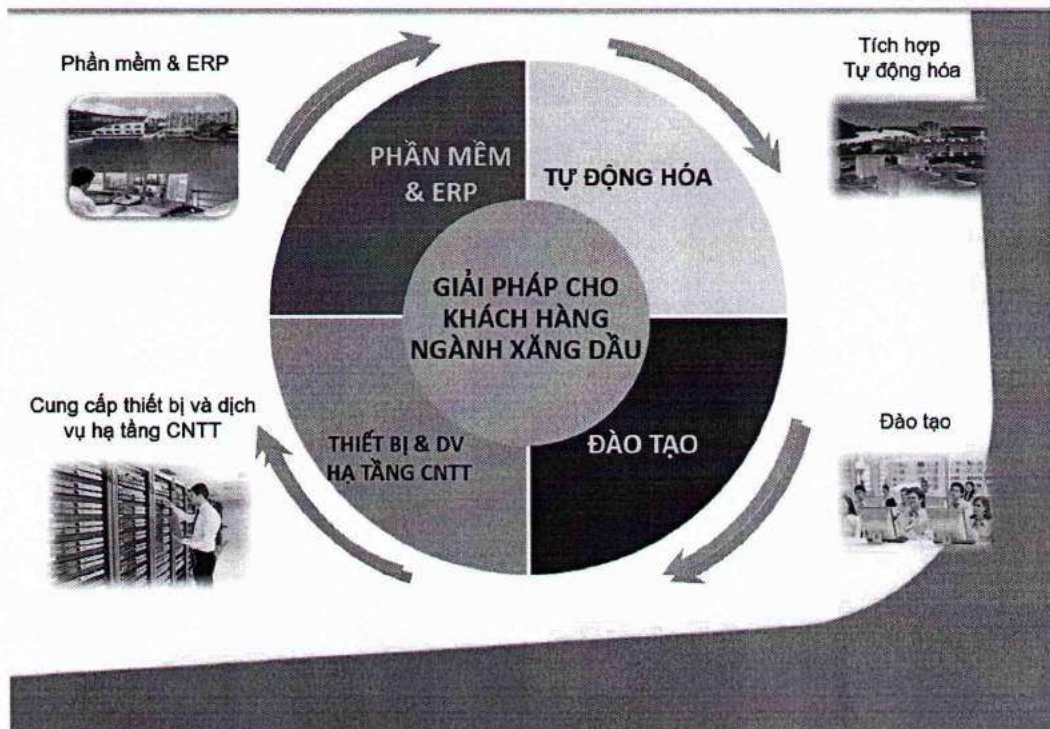
5.1. Sản phẩm dịch vụ chủ yếu

Hiện nay, Công ty cung cấp chủ yếu các sản phẩm, dịch vụ sau:

- Phần mềm quản trị nguồn lực doanh nghiệp (ERP)
- Phần mềm Quản lý hệ thống cửa hàng xăng dầu (EGAS);
- Dịch vụ tư vấn chiến lược ứng dụng công nghệ thông tin;
- Giải pháp Tự động hóa kho xăng dầu; Tự động hóa cửa hàng xăng dầu; Tự động hóa dây chuyền pha chế sản phẩm hóa dầu; Dịch vụ tích hợp hệ thống Tự động hóa;
- Dịch vụ tư vấn và lắp đặt hệ thống hạ tầng công nghệ thông tin, hệ thống mạng nội bộ, mạng diện rộng;
- Cung cấp tổng đài điện thoại, thiết bị công nghệ thông tin: máy chủ, máy PC, máy in, laptop...
- Dịch vụ vận hành và bảo trì hệ thống trung tâm dữ liệu Datacenter; Quản trị các dịch vụ dùng chung của Microsoft: Sao lưu dữ liệu, Email, Cân bằng tải, OCS...
- Dịch vụ bảo trì phần mềm; Bảo trì hệ thống Tự động hóa; Bảo trì hệ thống mạng nội bộ, mạng diện rộng (WAN);
- Các sản phẩm đào tạo: Office cơ bản và nâng cao; 3Dmax, Auto CARD; Quản trị hệ thống; Đào tạo chuyển giao công nghệ Tự động hóa.

Các sản phẩm được chia thành 4 lĩnh vực kinh doanh chính sau:

Lĩnh vực kinh doanh



5.2. Sản lượng sản phẩm/giá trị dịch vụ qua các năm

Bảng 6. Cơ cấu doanh thu của Công ty 2 năm gần nhất

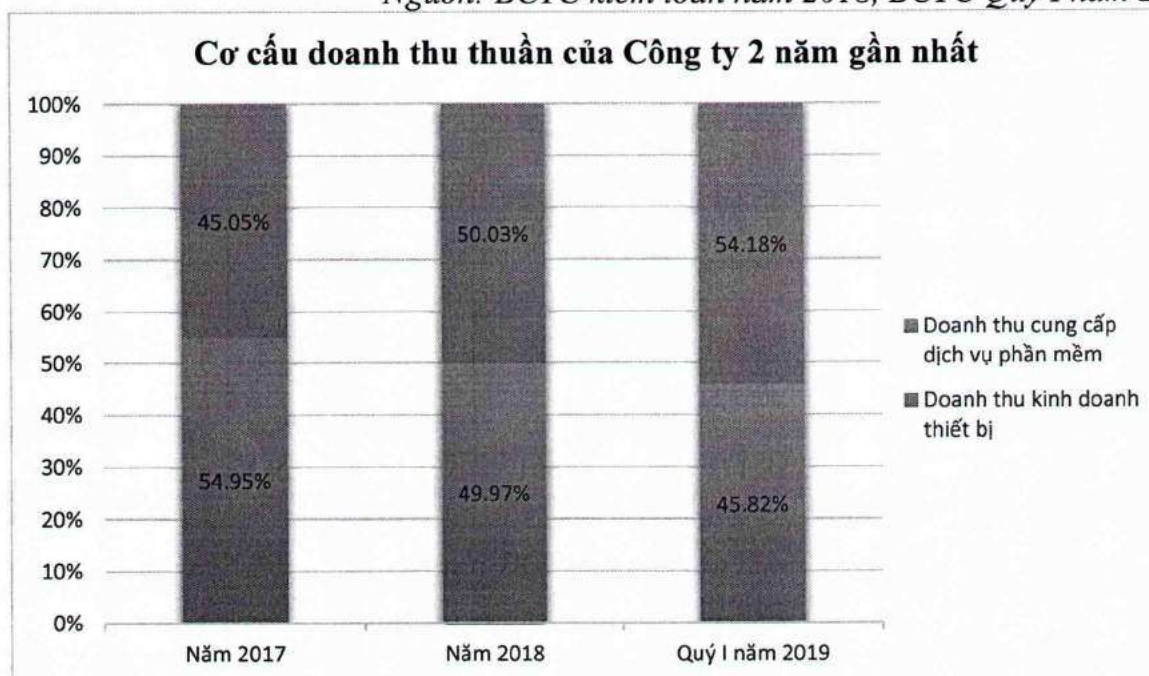
Chi tiết	Năm 2017		Năm 2018		Quý I/2019	
	Giá trị (đồng)	Tỷ trọng %	Giá trị (đồng)	Tỷ trọng %	Giá trị (đồng)	Tỷ trọng %
Doanh thu bán hàng và cung cấp dịch vụ	146.378.910.872	99,08	161.264.411.587	98,93	7.564.161.829	97,61
Doanh thu từ hoạt động tài chính	1.323.180.891	0,90	1.418.292.142	0,87	171.816.732	2,22
Thu nhập khác	36.027.199	0,02	318.419.827	0,20	13.322.237	0,17
Tổng	147.738.118.962	100,00	163.001.123.556	100,00	7.749.300.798	100,00

Nguồn: BCTC kiểm toán năm 2018, BCTC Quý I năm 2019

Bảng 7. Cơ cấu doanh thu thuần từ bán hàng và cung cấp dịch vụ

Chi tiết	Năm 2017		Năm 2018		Quý I/2019	
	Giá trị (đồng)	Tỷ trọng %	Giá trị (đồng)	Tỷ trọng %	Giá trị (đồng)	Tỷ trọng %
Doanh thu kinh doanh thiết bị	80.430.031.123	54,95	80.578.267.729	49,97	3.465.713.089	45,82
Doanh thu cung cấp dịch vụ và phần mềm	65.948.879.749	45,05	80.686.143.858	50,03	4.098.448.740	54,18
Tổng doanh thu bán hàng và cung cấp dịch vụ	146.378.910.872	100	161.264.411.587	100	7.564.161.829	100

Nguồn: BCTC kiểm toán năm 2018, BCTC Quý I năm 2019



Doanh thu bán hàng và cung cấp dịch vụ luôn chiếm tỷ trọng lớn trong cơ cấu doanh thu. Trong đó, doanh thu kinh doanh thiết bị và doanh thu cung cấp dịch vụ phần mềm có tỷ trọng khá cân đối. Năm 2018 doanh thu thuần bán hàng và cung cấp dịch vụ tăng 10,17% so với năm 2017, chủ yếu do tăng doanh thu hoạt động cung cấp dịch vụ và phần mềm, doanh thu kinh doanh thiết bị có xu hướng duy trì ổn định. Trong 3 tháng đầu năm 2019, doanh thu từ bán hàng và cung cấp dịch vụ của Công ty là hơn 7,5 tỷ đồng, trong đó 54,18% (tương đương gần 4,1 tỷ đồng) thu được nhờ hoạt động cung cấp dịch vụ phần mềm.

Bảng 8. Cơ cấu lợi nhuận gộp từ hoạt động bán hàng và cung cấp dịch vụ

Chỉ tiêu	Năm 2017		Năm 2018		Quý I năm 2019	
	Giá trị (đồng)	Tỷ trọng/ DTT (%)	Giá trị (đồng)	Tỷ trọng/ DTT (%)	Giá trị (đồng)	Tỷ trọng/ DTT (%)
Lợi nhuận gộp từ kinh doanh thiết bị	7.402.487.294	5,06	6.702.410.115	4,16	135.772.474	1,79
Lợi nhuận gộp từ cung cấp dịch vụ và phần mềm	38.401.618.721	26,23	45.655.097.041	28,31	3.359.061.409	44,41
Lợi nhuận gộp từ hoạt động bán hàng và cung cấp dịch vụ	45.804.106.015	31,29	52.357.507.156	32,47	3.494.833.883	46,20

Nguồn: BCTC kiểm toán năm 2018, BCTC Quý I năm 2019

Mặc dù, doanh thu kinh doanh thiết bị và doanh thu cung cấp dịch vụ và phần mềm xấp xỉ bằng nhau, tuy nhiên lợi nhuận gộp từ cung cấp dịch vụ và phần mềm lại chiếm tỷ trọng chủ yếu (chiếm trên 83%) do giá vốn hàng bán của hoạt động này nhỏ hơn. Tỷ lệ lợi nhuận gộp trên doanh thu thuần có xu hướng tăng lên qua các năm do giá vốn hàng bán/doanh thu thuần giảm.

5.3. Nguyên vật liệu

Công ty cung cấp thiết bị và giải pháp tổng thể cho hệ thống cửa hàng xăng dầu và kho xăng dầu, hệ thống công nghệ thông tin cho khách hàng với tỷ trọng thiết bị khoảng 50% doanh thu. Công ty đã thiết lập và duy trì mối quan hệ với các hãng sản xuất và các đối tác. Hiện tại, Công ty là nhà tích hợp của Hãng Rockwell Automation trong việc cung cấp giải pháp tích hợp tự động hóa tại các Tổng kho xăng dầu, Kho xăng dầu, Kho Nhiên liệu bay; Là đối tác kinh doanh của hãng HP (gồm cả HP Inc và Hewlett Packard Enterprise) trong việc cung cấp giải pháp về máy chủ, thiết bị lưu trữ, thiết bị mạng, dịch vụ công nghệ; Là đối tác kinh doanh của Hãng Phoenix Contact trong việc cung cấp giải pháp chống sét lan truyền và xung quá áp; Là đối tác sản xuất của hãng Gilbarco trong việc cung cấp giải pháp đo bể tại cửa hàng xăng dầu và đo bồn tại các kho xăng dầu lớn;... Nguyên vật liệu được Công ty trực tiếp nhập khẩu, hoặc mua qua các đại lý phân phối của Hãng chỉ định. Do đó, nguyên vật liệu luôn đảm bảo được cung cấp ổn định, kịp thời với chất lượng tốt nhất và giá cả hợp lý nhất. Mặt khác, Công ty tổ chức đấu thầu và chào hàng cạnh tranh để mua sắm vật tư, thiết bị có giá cả phù hợp nhưng có chất lượng tốt. Nguồn nguyên vật liệu mua

về, chủ yếu phục vụ cho việc kinh doanh, triển khai các dự án, mức dự trữ hợp lý. Thực hiện đồng thời các biện pháp trên, đã đảm bảo giá cả của nguyên vật liệu không ảnh hưởng nhiều tới kết quả kinh doanh của Công ty.

5.4. Cơ cấu chi phí

Bảng 9. Cơ cấu chi phí của Công ty 2 năm gần nhất

Chi tiết	2017		2018		Quý I/2019	
	Giá trị (đồng)	Tỷ trọng/ DTT (%)	Giá trị (đồng)	Tỷ trọng/ DTT (%)	Giá trị (đồng)	Tỷ trọng/ DTT (%)
Giá vốn hàng bán	100.574.804.857	68,71	108.906.904.431	67,53	4.069.327.946	53,80
Giá vốn thiết bị	73.027.543.829	49,89	73.875.857.614	45,81	3.329.940.615	44,02
Giá vốn dịch vụ và phần mềm	27.547.261.028	18,82	35.031.046.817	21,72	739.387.331	9,77
Chi phí bán hàng	25.265.999.825	17,26	29.948.936.634	18,57	2.738.175.311	36,20
Chi phí hoạt động tài chính	22.354.205	0,02	7.371.254	0,00	25.157	0,00
Tổng cộng	125.863.158.887	85,98	138.863.212.319	86,11	6.807.528.414	90,00

Nguồn: BCTC kiểm toán năm 2018, BCTC Quý I năm 2019

Trong cơ cấu chi phí của công ty, chi phí giá vốn hàng bán chiếm tỷ trọng cao nhất, tiếp đến là chi phí bán hàng, chi phí hoạt động tài chính không đáng kể. Tỷ trọng chi phí giá vốn hàng bán trên doanh thu thuần có xu hướng giảm qua các năm do cơ cấu doanh thu có sự biến động giữa kinh doanh thiết bị và cung cấp dịch vụ và phần mềm. Tuy nhiên tổng chi phí chiếm trên doanh thu thuần có xu hướng tăng do tỷ trọng chi phí bán hàng trên doanh thu thuần tăng.

5.5. Trình độ công nghệ

Với tiêu chí tiên phong trong việc nắm bắt công nghệ mới để phát triển các giải pháp kỹ thuật mang tính ứng dụng cao vào lĩnh vực sản xuất, kinh doanh xăng dầu, Công ty luôn chú trọng tìm kiếm các nhà cung cấp, các đối tác là các hãng lớn có trình độ công nghệ hiện đại và tiên tiến trên thế giới. Bên cạnh đó, Công ty thường xuyên cử đội ngũ cán bộ nhân sự tham gia các khóa đào tạo ở nước ngoài để kịp thời cập nhật công nghệ mới, phục vụ cho việc tư vấn, thiết kế và phát triển giải pháp tích hợp tổng thể của Công ty.

Trong lĩnh vực dịch vụ phần mềm và ERP, phát triển, ứng dụng công nghệ hiện đại là một trong những ưu tiên số một của Công ty. Đội ngũ nhân sự của Công ty, với các kỹ sư

công nghệ thông tin và tự động hóa luôn được định hướng để đào tạo, tự đào tạo đáp ứng đòi hỏi công việc cũng như cập nhật những công nghệ mới nhất trên thế giới, như trên nền tảng môi trường Microsoft: Windows.NET, Visual Studio, SQL server,... và nền tảng Java (bao gồm WebSphere, Linux, các môi trường Java, J2EE, J2ME...), cơ sở dữ liệu Oracle. Về quy trình sản xuất và phương pháp luận phát triển hệ thống, Công ty ứng dụng các công nghệ mới nhất trong phát triển phần mềm như Rational Unified Process, phương pháp Agile và quy trình Scrum. Bên cạnh việc sử dụng mã nguồn mở (như Nucleos Open Source ERP Framework của Đức), Công ty đã phát triển công nghệ lõi trong các giải pháp quản lý bằng phần mềm của mình, tích hợp chặt chẽ với các hệ thống tự động hóa giao nhận kho/ cửa hàng xăng dầu, tự động hóa pha chế dầu nhờn, hệ thống hóa đơn điện tử,... Với khả năng hiện nay, Công ty hoàn toàn có khả năng nghiên cứu và phát triển các giải pháp quản lý bằng phần mềm có hàm lượng công nghệ cao, cạnh tranh được với các sản phẩm của khu vực và thế giới, đặc biệt là trong lĩnh vực quản trị kinh doanh xăng dầu.

Trong lĩnh vực tự động hóa, Công ty hiện là nhà tích hợp của hãng Rockwell Automation (Recognized Systems Integrator) từ năm 2009, đã cung cấp giải pháp tích hợp tự động hóa sử dụng hệ thống PLC Controllogix, phần mềm FactoryTalk View SE, phần mềm RS View32 tại các Tổng kho, Kho xăng dầu như: Tổng kho Xăng dầu Nhà Bè, Tổng kho Xăng dầu Đức Giang, Kho nhiên liệu bay tại Nội Bài – Tân Sơn Nhất – Cam Ranh, các Kho xăng dầu của Công ty TNHH Hải Linh,... Đặc biệt tích hợp thành công phần mềm tạo mẻ FT Batch tại Nhà máy Sản xuất Dầu nhờn Catrol BP Petco. Ngoài ra, Công ty còn là đối tác kinh doanh của các hãng công nghệ hàng đầu thế giới: SIEMENS, GIBARCO VEEDER-ROOT, PHOENIX CONTACT, ADVANTECH,... Hàng năm cán bộ nhân viên đều được tham gia các khóa đào tạo chuyên sâu, đào tạo giới thiệu sản phẩm mới của các hãng trên. Với bề dày kinh nghiệm quản lý trong lĩnh vực kinh doanh xăng dầu của Petrolimex cùng với đội ngũ chuyên viên có trình độ công nghệ của Công ty, trong 15 năm qua Công ty đã không ngừng vươn lên trở thành một công ty hàng đầu về tích hợp tự động hóa kho xăng dầu và cửa hàng xăng dầu.

Trong lĩnh vực dịch vụ hệ thống, Công ty hiện đang là đối tác tin cậy của các hãng hàng đầu trên thế giới như: Microsoft, Cisco, IBM, HP, Oracle, Emerson, Schneider electric, vv... Là doanh nghiệp hàng đầu về công nghệ tại Việt Nam trong lĩnh vực tích hợp hệ thống, với bề dày 16 năm kinh nghiệm cùng đội ngũ chuyên gia có trình độ cao về chuyên môn

và quản lý, Công ty là một trong số ít những công ty có khả năng triển khai thành công các dự án có quy mô lớn, công nghệ hiện đại và có độ phức tạp cao trong lĩnh vực xăng dầu.

Về hạ tầng cơ sở, văn phòng làm việc, trang thiết bị, công cụ,... phục vụ cho công việc luôn được Công ty đầu tư ở mức hiện đại, tiên tiến nhất nhằm đáp ứng nhu cầu của sự phát triển, tổ chức quản lý cũng như đáp ứng chất lượng dịch vụ phục vụ khách hàng.

5.6. Tình hình nghiên cứu và phát triển sản phẩm mới

Vòng đời sản phẩm và dịch vụ ngành công nghệ thông tin thường ngắn. Đặc biệt trong thời đại công nghệ 4.0, sự soán ngôi của công nghệ mới diễn ra rất mạnh mẽ và nhanh chóng. Vì vậy hoạt động nghiên cứu và phát triển sản phẩm mới luôn được Công ty quan tâm thực hiện. Công ty đã thực hiện đầu tư phòng thí nghiệm tự động hóa từ năm 2010 với những trang thiết bị hiện đại. Đây là nơi để các cán bộ nhân viên thực hiện nghiên cứu và phát triển sản phẩm mới, cũng như thực hiện test sản phẩm trước khi triển khai cho khách hàng. Hàng năm, Công ty luôn giành nguồn lực lớn (cả về tài chính và nhân sự) cho công tác đầu tư sản phẩm mới. Khi sản phẩm này được triển khai cho khách hàng cũng là lúc nghiên cứu và phát triển sản phẩm khác.

5.7. Tình hình kiểm tra chất lượng sản phẩm/dịch vụ

Với phương châm “Chuyên nghiệp – Văn minh – Sáng tạo – Luôn thỏa mãn tốt nhất yêu cầu hợp lý của khách hàng”, Công ty đã và sẽ duy trì sự tin tưởng bền vững về chất lượng trong tâm trí khách hàng. Công ty đã xây dựng và áp dụng hệ thống quản lý chất lượng theo tiêu chuẩn TCVN ISO 9001:2008 từ năm 2008. Năm 2018, Công ty đã hoàn thành chương trình chuyển đổi sang tiêu chuẩn TCVN ISO 9001:2015. Hệ thống quản lý chất lượng của Công ty bao gồm trên 70 quy chế/ quy trình/ quy định để đảm bảo hiệu quả hoạt động cũng như chất lượng sản phẩm cung cấp cho khách hàng. Việc hoàn thiện, cải tiến quy trình sản xuất kinh doanh và quản lý được thực hiện thường xuyên, liên tục.

Công ty đã thành lập phòng Đảm bảo Chất lượng từ 01/10/2016 để đảm bảo hệ thống quản lý chất lượng hoạt động theo đúng chính sách chất lượng của Công ty; Để kiểm soát hoạt động theo quy trình, quy định và quy chế của hệ thống quản lý chất lượng.

Việc xây dựng sản phẩm phần mềm phải trải qua 03 giai đoạn chính: Chuẩn bị - Phân tích và Thiết kế - Xây dựng phần mềm. Với mỗi giai đoạn đều trải qua các bước công việc cụ thể. Bản thân với mỗi bước công việc đã có sự kiểm tra chéo giữa các bộ phận tham gia xây dựng sản phẩm. Đặc biệt công đoạn kiểm thử (test) trải qua nhiều cấp độ như: Test các

giao tiếp giữa các component, tương tác giữa các phần khác nhau trong hệ thống; Test hệ thống; Test tích hợp; Test bảo mật; Test trọng tải; Test hiệu suất;... Có như vậy, sản phẩm cung cấp cho khách hàng đảm bảo sẽ hoàn thiện nhất.

Ngoài ra, Công ty đã xây dựng và triển khai hệ thống chỉ số đánh giá hiệu suất công việc (KPIs), Hệ thống khung năng lực lõi (CCF), Phần mềm hệ thống thông tin doanh nghiệp từ năm 2016 để nâng cao hiệu suất công việc và nâng cao chất lượng sản phẩm.

5.8. Hoạt động Marketing

Công ty thường xuyên thực hiện các hoạt động nghiên cứu thị trường nhằm tìm hiểu nhu cầu thị trường, mong muốn của khách hàng để hoạch định chiến lược kinh doanh, kế hoạch tiếp thị cho các sản phẩm, dịch vụ cũng như tiếp cận và phát triển khách hàng, đối tác. Cụ thể như:

- Xây dựng được Profile Công ty, sản phẩm EGAS;
- Tổ chức hội thảo tự động hóa cùng Hãng Rockwell;
- Tổ chức hội thảo giới thiệu EGAS tại Hội nghị khách hàng của Công ty Xăng dầu Bắc Thái;
- Quảng cáo sản phẩm EGAS trên các kênh truyền thông như: Trên màn sạch Pin tại Sân bay Nội Bài và Tân Sơn Nhất; Trên website của Hiệp hội Xăng dầu Việt Nam (VINPA);...

Hoạt động vì cộng đồng:

Công ty tích cực thực hiện các chương trình vận động, tham gia ủng hộ các quỹ xã hội từ thiện do Tập đoàn Xăng dầu Việt Nam và địa phương phát động:

- Tổ chức các đợt làm từ thiện tại các trường học vùng cao: Tặng quà cho học sinh tại trường Tiểu học Duy Phong, xã San Thành, TP. Lai Châu, tỉnh Lai Châu; Tặng quà cho các học sinh trường Tiểu học Nà Sác, xã Nà Sác, huyện Hà Quảng, tỉnh Cao Bằng;
- Thực hiện “Chương trình tiếp sức đến trường”, trao 50 suất học bổng cho các học sinh nghèo vượt khó tại trường Trung học cơ sở Lộc Ninh (xã Lộc Ninh, TP. Đồng Hới, tỉnh Quảng Bình);
- Tham gia phong trào hiến máu tình nguyện do Tập đoàn Xăng dầu Việt Nam phát động với khoảng 3.000 - 4.000 ml máu/ năm;

- Tham gia phong trào “Lá lành đùm lá rách” tại huyện Mù Cang Chải (tỉnh Yên Bái), huyện Mường La (tỉnh Sơn La) sau trận lũ quét lịch sử tại miền núi;
- Thực hiện ủng hộ đồng bào miền Trung khắc phục hậu quả lũ lụt 01 ngày lương/cán bộ nhân viên;
- Tích cực tham gia phong trào Giờ Trái đất;
- Tổ chức thăm hỏi thương binh, gia đình liệt sỹ và gặp mặt cuối năm, tặng quà dịp tết Nguyên đán cho cán bộ nhân viên hưu trí;
- Tham gia vào công tác giữ gìn trật tự, phòng chống cháy nổ; đấu tranh phòng chống tệ nạn xã hội ở cơ quan cũng như cụm dân cư, xây dựng lối sống lành mạnh; thực hiện tốt cuộc vận động toàn dân đoàn kết xây dựng cuộc sống mới trên địa bàn cụm dân cư, thực hiện văn minh trong cơ quan.

5.9. Nhãn hiệu thương mại, đăng ký phát minh sáng chế và bản quyền

Hiện Công ty đang sử dụng logo sau để làm thương hiệu cho sản phẩm, dịch vụ của Công ty:



Năm 2011, Công ty đã thực hiện đăng ký và được Cục Bản quyền Tác giả - Bộ Văn hóa, Thể thao và Du lịch cấp Giấy chứng nhận đăng ký quyền tác giả đối với các chương trình phần mềm sau của Công ty:

STT	Tên tác phẩm	Loại hình	Số quyết định
1	Phần mềm tích hợp tự động hóa cửa hàng xăng dầu (Gastas)	Chương trình máy tính	Giấy chứng số: 2187/2011/QTG ngày 17/08/2011
2	Phần mềm tích hợp tự động hóa bến xuất thủy (Ferry LAS.s)	Chương trình máy tính	Giấy chứng số: 2188/2011/QTG ngày 17/08/2011
3	Phần mềm tích hợp tự động hóa bến xuất bộ (Truck LAS.s)	Chương trình máy tính	Giấy chứng số: 2195/2011/QTG ngày 17/08/2011
4	Phần mềm quản lý hệ thống cửa hàng xăng dầu (Egas)	Chương trình máy tính	Giấy chứng số: 2196/2011/QTG ngày 17/08/2011
5	Phần mềm quản lý cửa hàng xăng dầu (Gasman)	Chương trình máy tính	Giấy chứng số: 2212/2011/QTG ngày 19/08/2011

6. Các hợp đồng lớn đang được thực hiện hoặc đã được ký kết

Bảng 10. Danh sách các hợp đồng lớn đang thực hiện hoặc đã được ký kết

STT	Số Hợp đồng/ Phụ lục Hợp đồng	Tên khách hàng	Ngày ký Hợp đồng	Nội dung Hợp đồng	Trị giá Hợp đồng (Triệu đồng)	Thời gian thực hiện Hợp đồng
I Hợp đồng lớn đã thực hiện trong năm 2018						
1	01/CHXD/2013 /PLX-PIACOM	Tập đoàn Xăng dầu Việt Nam	01/08/ 2013	Hợp đồng nguyên tắc: Triển khai phần mềm quản lý cửa hàng xăng dầu (EGAS, AGAS, tủ EGAS Controller) cho 2.400 cửa hàng của Petrolimex	175.000	Năm 2014 - 2018
2	BP01505134	Công ty TNHH MTV Dầu khí Thành phố Hồ Chí Minh	01/11/ 2017	Nâng cấp Scada và PLC hệ thống pha chế dầu nhờn tại Nhà máy BP Petco	7.837	Năm 2017 - 2018
3	80/2017/HĐM B/PETROBIN HMINH- PIACOM	Công ty TNHH Petro Bình Minh	24/10/ 2017	Cung cấp thiết bị, vật tư, phần mềm, dịch vụ kỹ thuật và thi công xây dựng hạng mục công trình tích hợp tổng hệ hệ thống tự động hóa kho xăng dầu Mông Dương	6.575	Năm 2017 - 2018
II Hợp đồng lớn đã ký kết và đang thực hiện trong năm 2019						
1	2903/2019- PLX/PIACOM	Tập đoàn Xăng dầu Việt Nam	29/03/ 2019	Hỗ trợ vận hành và bảo trì hệ thống ERP-SAP năm 2019	12.788	Năm 2019
2	2603/2018/HĐ KT/TMĐ- PIACOM	Công ty CP Thiên Minh Đức	26/03/ 2018	Cung cấp thiết bị, vật tư, phần mềm, dịch vụ kỹ thuật và thi công xây dựng hạng mục công trình tích hợp tổng hệ hệ thống tự động hóa Tổng kho Xăng dầu DKC	7.268	Năm 2018- 2019

STT	Số Hợp đồng/ Phụ lục Hợp đồng	Tên khách hàng	Ngày ký Hợp đồng	Nội dung Hợp đồng	Trị giá Hợp đồng (Triệu đồng)	Thời gian thực hiện Hợp đồng
3	2903/2019- PLX/PIACOM	Tập đoàn Xăng dầu Việt Nam	29/03/ 2019	Hỗ trợ vận hành và bảo trì hệ thống ERP-SAP năm 2019	12.788	Năm 2019
4	Phụ lục Hợp đồng 2404/2018/PL X-PIACOM	Tập đoàn Xăng dầu Việt Nam	04/04/ 2019	Bảo trì hệ thống phần mềm quản lý cửa hàng xăng dầu EGAS năm 2019	19.874	Năm 2019

Nguồn: Công ty Cổ phần Tin học Viễn thông Petrolimex

7. Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh

7.1. Tóm tắt một số chỉ tiêu về hoạt động sản xuất kinh doanh của Công ty trong năm 2017-2018 và quý I/2019

Bảng 11. Kết quả hoạt động sản xuất kinh doanh của Công ty trong năm 2017 - 2018 và quý I năm 2019

Chỉ tiêu	Năm 2017 (đồng)	Năm 2018 (đồng)	% tăng, giảm năm 2018 so với năm 2017 (%)	Quý I năm 2019 (đồng)
Tổng giá trị tài sản	95.821.880.566	102.023.717.113	6,47	77.817.506.661
Vốn chủ sở hữu	55.484.176.190	65.423.560.946	17,91	66.176.978.853
Doanh thu thuần về bán hàng và cung cấp dịch vụ	146.378.910.872	161.264.411.587	10,17	7.564.161.829
Lợi nhuận thuần từ hoạt động kinh doanh	21.838.932.876	23.819.491.410	9,07	928.450.147
Lợi nhuận khác	35.975.805	189.317.298	426,24	13.322.237
Lợi nhuận trước thuế	21.874.908.681	24.008.808.708	9,76	941.772.384
Lợi nhuận sau thuế	18.087.219.914	19.026.604.670	5,19	753.417.907
Tỷ lệ lợi nhuận trả cổ tức	80%	82%	-	-
Tỷ lệ lợi nhuận sau thuế trên vốn chủ sở hữu	33,01%	31,47%	-	-
Giá trị sổ sách cổ phiếu	18.495	16.775	(9,3)	16.968

Nguồn: BCTC kiểm toán năm 2018, BCTC Quý I năm 2019

Trong năm 2018, Công ty có đợt phát hành cổ phiếu để trả cổ tức, vốn điều lệ tăng từ 30 tỷ đồng lên 39 tỷ đồng do đó vốn chủ sở hữu tăng lên.

Doanh thu thuần bán hàng và cung cấp dịch vụ năm 2018 tăng 10,17% so với năm 2017, chủ yếu do tăng doanh thu cung cấp dịch vụ và phần mềm. Lợi nhuận sau thuế năm 2018 của công ty tăng 5,19% so với năm 2017 và lợi nhuận sau thuế Quý I năm 2019 tăng 34,6% so với cùng kỳ năm trước.

7.2. Những nhân tố ảnh hưởng đến hoạt động sản xuất kinh doanh của Công ty trong năm báo cáo

Trong quá trình hoạt động kinh doanh, Công ty chịu ảnh hưởng của nhiều yếu tố tác động, bao gồm cả yếu tố thuận lợi và khó khăn.

Thuận lợi

Nghị quyết của Đảng về phát triển hạ tầng trong đó có hạ tầng công nghệ thông tin và định hướng của Chính phủ về việc sớm đưa Việt Nam trở thành quốc gia có thể mạnh về công nghệ thông tin và truyền thông.

Công ty có đội ngũ nhân sự chất lượng cao và ổn định, đặc biệt là Ban lãnh đạo giàu kinh nghiệm, đội ngũ nhân viên được đào tạo bài bản, chuyên nghiệp đã góp phần rất quan trọng vào việc nâng cao hiệu quả hoạt động của Công ty.

Công tác nhân sự của Công ty thường xuyên được củng cố, lực lượng lao động thạo về chuyên môn, nghiệp vụ, đội ngũ cán bộ quản lý trẻ có năng lực, nhiệt tình trách nhiệm.

Được sự chỉ đạo sát sao của HĐQT, BKS trong công tác định hướng phát triển Công ty.

Uy tín và thương hiệu của Công ty trên thị trường và trong mắt người tiêu dùng ngày càng cao và ngày càng được tin nhiệm.

Khó khăn

CNTT vốn là lĩnh vực kinh doanh có mức độ cạnh tranh gay gắt, sự tham gia ngày càng sâu của các Doanh nghiệp CNTT nước ngoài và trong nước đã cạnh tranh trực tiếp với Công ty ngay tại thị trường truyền thống.

8. Vị thế của Công ty so với các doanh nghiệp khác trong cùng ngành

8.1. Vị thế của Công ty trong ngành

Với 23 năm hoạt động trong lĩnh vực tin học viễn thông, PIACOM đã tạo lập được vị trí vững chắc của mình trên thị trường và trở thành một trong những doanh nghiệp hàng đầu

trong nước về lĩnh vực này. Công ty đã tạo được uy tín trên thị trường đồng thời nhận được sự hài lòng, tin tưởng của nhiều khách hàng trong và ngoài nước.

Ưu thế của Công ty là sự hỗ trợ vững chắc từ Tập đoàn Xăng dầu Việt Nam về thị trường, các mối quan hệ hợp tác lâu bền và định hướng cho sự phát triển công nghệ thông tin phục vụ đặc biệt cho các cửa hàng xăng dầu trên khắp đất nước. Hơn thế nữa, để bắt kịp tốc độ phát triển của công nghệ thời 4.0, Công ty chú trọng vào việc hoàn thiện và nâng cấp các sản phẩm và dịch vụ liên quan đến Internet, viễn thông, tự động hóa và phần mềm. Nhờ vậy, Công ty nhận được sự hợp tác từ nhiều khách hàng, có thể kể đến như Công ty TNHH Hải Linh, Công ty TNHH Dầu khí Hải Linh Hải Phòng, Công ty TNHH MTV Dầu khí Thành phố Hồ Chí Minh,...

Hai yếu tố cốt lõi làm nên chất lượng thương hiệu của Công ty đó là sự chuyên nghiệp và nền tảng kiến thức bài bản của đội ngũ nhân viên, cùng triết lý vận hành hiệu quả. Với việc tận dụng hai yếu tố này, Công ty đang từng bước hướng tới mục tiêu dẫn dắt thị trường viễn thông, phần mềm và trở thành doanh nghiệp áp dụng công nghệ tiên tiến bắt nhịp với xu hướng phát triển của thị trường trong nước và quốc tế.

8.2. Triển vọng phát triển của ngành

Viễn thông là một ngành kinh tế đặc biệt quan trọng và có tốc độ phát triển nhanh, công nghệ mới liên tục được đầu tư ví dụ như công nghệ 3G, 4G và tiến tới là 5G. Trong 10 năm trở lại đây, hạ tầng viễn thông được một số nhà mạng lớn đầu tư mạnh mẽ, cùng với đó là những cơ hội và thách thức cho ngành dịch vụ viễn thông, công nghệ thông tin do Hiệp định Thương mại tự do Việt Nam - EU (EVFTA) mang lại. Việt Nam được dự đoán sẽ thu hút một lượng lớn dòng vốn ngoại trong lĩnh vực này trong những năm tới. Điều này tạo sức ép cho các doanh nghiệp viễn thông trong nước phải cải tiến công nghệ liên tục, đầu tư nâng cấp sản phẩm đồng thời nâng cao trình độ quản lý để cạnh tranh được với các doanh nghiệp nước ngoài cũng như tận dụng được cơ hội hợp tác với những đơn vị mới có tiềm lực lớn mạnh.

Vì vậy Chính phủ có chủ trương khuyến khích các doanh nghiệp viễn thông tích cực chuyển mình để chủ động đón bắt làn sóng cạnh tranh này. Điều này được thể hiện rõ nhất ở Nghị quyết 41/NQ-CP về chính sách ưu đãi thuế thúc đẩy việc phát triển và ứng dụng công nghệ thông tin tại Việt Nam.

Vì là một nhân tố tham gia vào sự phát triển chung của thị trường, PIACOM đang tập hợp nguồn lực để áp dụng những sáng kiến và chiến lược thiết thực nhất, từ đó vươn lên hơn nữa với những cơ hội và thách thức mà thị trường mang lại.

8.3. So sánh về tình hình tài chính và hoạt động kinh doanh của các doanh nghiệp trong cùng ngành

Bảng 12. So sánh tình hình tài chính và hoạt động sản xuất kinh doanh với một số doanh nghiệp cùng ngành

Chỉ tiêu	Đơn vị	CTCP Tin học Viễn thông Petrolimex	CTCP Công nghệ Thông tin, Viễn thông và Tự động hóa Dầu khí (mã chứng khoán PAI)	CTCP Dịch vụ Công nghệ tin học HPT (mã chứng khoán HPT)	CTCP Công nghệ viễn thông Sài Gòn (mã chứng khoán SGT)
Doanh thu thuần	Tỷ đồng	161,3	94	787,2	678
Lợi nhuận sau thuế	Tỷ đồng	19	0,9	14,3	118
Vốn chủ sở hữu	Tỷ đồng	65,4	44,6	100,2	752,4
Tổng Tài Sản	Tỷ đồng	102	92,2	315,2	1.945
ROE	%	31,47	1,96	14,52	17,15
ROA	%	19,23	1,14	3,97	6,32

Nguồn: Báo cáo tài chính kiểm toán năm 2018 của các công ty

8.4. Đánh giá về sự phù hợp định hướng phát triển của công ty với định hướng của ngành, chính sách của Nhà nước, và xu thế chung trên thế giới

• Các mục tiêu chủ yếu của Công ty giai đoạn 2019-2020

Các mục tiêu chủ yếu của Công ty giai đoạn 2019-2020 được Đại hội đồng cổ đông giai đoạn 2016-2020 thông qua, bao gồm:

- Công ty phấn đấu giữ vững vị trí doanh nghiệp công nghệ thông tin và tự động hóa ngành xăng dầu hàng đầu Việt Nam;
- Tốc độ tăng trưởng bình quân trên 15%/năm;

- Doanh số kinh doanh thị trường ngoài ngành và nước ngoài chiếm 30%;
- Tỷ lệ chi trả cổ tức trên 20%/năm.

- **Chiến lược phát triển trung và dài hạn**

Công ty xác lập trở thành đơn vị Công nghệ thông tin mạnh của Việt Nam, đứng đầu về triển khai dịch vụ của ngành xăng dầu.

Công ty chú trọng đầu tư cho hoạt động nghiên cứu, phát triển, tạo ra một danh mục sản phẩm hoàn thiện, chuyên biệt đủ sức cạnh tranh tại thị trường trong nước và quốc tế. Tăng cường công tác quản trị nội bộ, nâng cao vai trò quản trị và kiểm soát rủi ro trong quản trị doanh nghiệp. Chương trình phát triển nhân sự sẽ được thực thi nhằm đảm bảo nguồn lực cho sản xuất kinh doanh liên tục tăng trưởng và ngày càng mở rộng.

- **Phát triển bền vững**

Là doanh nghiệp công nghệ thông tin và tự động hóa ngành xăng dầu hàng đầu Việt Nam, PIACOM nhận thức rõ tầm quan trọng của phát triển bền vững, luôn kết hợp và đảm bảo sự cân bằng trong thực hiện mục tiêu kinh tế, môi trường và trách nhiệm xã hội:

- Tăng trưởng bền vững về doanh thu và lợi nhuận;
- Phát triển nguồn nhân lực chất lượng cao; tham gia và đóng góp tích cực cho các hoạt động vì cộng đồng;
- Thực hiện nghiêm túc nghĩa vụ thuế với ngân sách Nhà nước;
- Nâng cao ý thức bảo vệ môi trường và tiết kiệm năng lượng.

9. Chính sách đối với người lao động

9.1. Số lượng người lao động trong Công ty

Bảng 13. Cơ cấu lao động của Công ty tại thời điểm 31/03/2019

Tiêu chí	Số lượng (người)	Tỷ trọng (%)
Trình độ Đại học và trên đại học	101	97,12
Trình độ cao đẳng, trung cấp	1	0,96
Trình độ sơ cấp, công nhân kỹ thuật	0	0,00
Công nhân phổ thông và lao động khác	2	1,92
Tổng cộng	104	100

Nguồn: Công ty Cổ phần Tin học Viễn thông Petrolimex

9.2. Chính sách lương thưởng, phúc lợi

Công ty đã xây dựng chính sách lương, thưởng phù hợp với từng vị trí công việc, kỹ năng và trình độ chuyên môn của cán bộ nhân viên nhằm ghi nhận đúng mức năng lực và kết quả công việc của từng cá nhân, đồng thời tạo động lực khuyến khích cán bộ nhân viên phát huy năng lực, trách nhiệm để nâng cao năng suất, chất lượng và hiệu quả công việc.

Công ty thường xuyên thực hiện đánh giá năng lực, ý thức, hiệu quả công tác và mức độ đóng góp của cán bộ nhân viên cho sự phát triển của Công ty để áp dụng chính sách khen thưởng phù hợp. Hàng năm, Công ty tổng kết và tiến hành tuyên dương, khen thưởng xứng đáng cho các tập thể, cá nhân có thành tích và đóng góp xuất sắc. Đồng thời áp dụng các biện pháp, quy định xử phạt đối với các công nhân viên có hành vi gây ảnh hưởng xấu đến hoạt động, hình ảnh của Công ty.

Ngoài những quyền lợi được quy định trong Bộ Luật lao động, người lao động trong Công ty còn được hưởng các đãi ngộ dưới các hình thức như du lịch, nghỉ mát, trợ cấp khi thai sản và ốm đau, trợ cấp khó khăn, ...

10. Chính sách cổ tức

Công ty thực hiện chi trả cổ tức theo các quy định của Luật doanh nghiệp, các quy định về chi trả cổ tức trong Điều lệ của Công ty và các văn bản pháp lý liên quan. Kết thúc niên độ tài chính, Hội đồng quản trị Công ty có trách nhiệm xây dựng Phương án phân phối lợi nhuận và trích lập các quỹ để trình Đại hội đồng cổ đông.

Nguồn để trả cổ tức là lợi nhuận sau thuế mà Công ty thu được từ hoạt động kinh doanh trong năm tài chính vừa qua sau khi đã thực hiện các nghĩa vụ nộp thuế, các nghĩa vụ tài chính khác; trích lập các quỹ và bù đắp hết lỗ trước đó theo quy định của pháp luật hiện hành và Điều lệ Công ty. Bên cạnh đó, Công ty cũng xét đến kế hoạch và định hướng kinh doanh, chiến lược đầu tư mở rộng hoạt động kinh doanh trong năm tới để đưa ra mức cổ tức dự kiến hợp lý.

Việc chi trả cổ tức bằng tiền hoặc cổ phiếu được căn cứ tình hình thực tế về nhu cầu vốn cho sản xuất kinh doanh của Công ty.

Tỷ lệ trả cổ tức chi trả cho cổ đông qua các năm như sau:

Bảng 14. Tỷ lệ chi trả cổ tức 2 năm gần nhất của Công ty

Năm	Tỷ lệ cổ tức được ĐHĐCĐ thông qua	Tỷ lệ cổ tức đã chi trả	Hình thức
2017	- Trả bằng cổ phiếu: 30% - Trả bằng tiền: 18%	- Trả bằng cổ phiếu: 30% - Trả bằng tiền: 18%	Cổ phiếu và bằng tiền
2018	40%	40% (đã thực hiện chốt danh sách cổ đông tại ngày 28/5/2019 để trả cổ tức năm 2018)	Bằng tiền
2019	Dự kiến 20%	-	Bằng tiền

Nguồn: Công ty Cổ phần Tin học Viễn thông Petrolimex

11. Tình hình hoạt động tài chính

11.1. Các chỉ tiêu cơ bản

Trích khấu hao TSCĐ

Tài sản cố định hữu hình được khấu hao theo phương pháp đường thẳng, số khấu hao được tính bằng nguyên giá chia cho thời gian hữu dụng ước tính, phù hợp với các quy định tại Thông tư số 45/2014/TT-BTC ngày 25/04/2014 của Bộ Tài chính. Thời gian tính khấu hao cụ thể của các loại tài sản như sau:

Máy móc, thiết bị	03 – 07 năm
Phương tiện vận tải, thiết bị truyền dẫn	06 – 07 năm
Thiết bị, dụng cụ quản lý	03 – 05 năm

Tài sản cố định vô hình bao gồm phần mềm hệ thống thông tin, phần mềm bản quyền cơ sở dữ liệu, phần mềm quản lý lao động và phần mềm Support Center được khấu hao theo phương pháp đường thẳng, dựa trên thời gian hữu dụng ước tính từ 03 – 05 năm, phù hợp với các quy định Thông tư số 45/2013/TT-BTC ngày 25/04/2013 của Bộ Tài chính.

Mức lương bình quân

Mức thu nhập của người lao động bình quân của Công ty bình quân tính năm 2017 là 20.500.000 đồng/nhân viên, năm 2018 là 21.000.000 đồng/nhân viên. Với mức lương hiện tại, cùng với các chế độ đãi ngộ khác, Công ty tự tin thu hút được nguồn lao động chất lượng đảm bảo cho hoạt động sản xuất kinh doanh của mình.

Thanh toán các khoản nợ đến hạn

Công ty luôn thanh toán các khoản nợ đúng hạn khi các hồ sơ, chứng từ đáp ứng yêu cầu của hợp đồng.

Các khoản phải nộp theo luật định

Công ty luôn luôn thực hiện đầy đủ và đúng hạn các khoản thuế giá trị gia tăng, thuế xuất nhập khẩu thuế thu nhập doanh nghiệp, thu nhập cá nhân và các loại thuế khác phải nộp theo quy định của Nhà nước.

Bảng 15. Các khoản thuế phải nộp Nhà nước

Đơn vị: Đồng

Chỉ tiêu	Ngày 31/12/2017	Ngày 31/12/2018	Ngày 31/03/2019
Thuế giá trị gia tăng đầu ra	467.091.502	1.082.562.187	-
Thuế giá trị gia tăng hàng nhập khẩu	-	-	-
Thuế xuất nhập khẩu	-	-	-
Thuế thu nhập doanh nghiệp	1.986.756.233	1.421.983.794	188.354.477
Thuế thu nhập cá nhân	601.811.175	873.111.636	27.668.633
Các loại thuế, phí, lệ phí khác	-	-	-
Tổng	3.055.658.910	3.377.657.617	216.023.110

Nguồn: BCTC kiểm toán năm 2018, BCTC Quý I năm 2019

Các khoản Thuế giá trị gia tăng hàng nhập khẩu và Thuế xuất nhập khẩu phát sinh trong kỳ kế toán Công ty đều thực hiện đầy đủ và đúng hạn nên không có số dư cuối kỳ. Tính

đến cuối quý I năm 2019, Công ty đã thanh toán đầy đủ thuế giá trị gia tăng đầu ra bao gồm cả số dư từ năm 2018 và phát sinh phải nộp trong kỳ Quý I năm 2019.

Trích lập các quỹ theo luật định

Theo Điều lệ công ty, trình tự phân phối lợi nhuận là sau khi bù đắp lỗ các năm trước, nộp thuế thu nhập doanh nghiệp theo luật quy định và chia lãi cho các thành viên góp vốn liên kết (nếu có) thì công ty sẽ trả cổ tức cho cổ đông và trích lập các quỹ.

Việc trích lập các quỹ được thực hiện theo quyết định của Đại hội đồng cổ đông tại cuộc họp thường niên hàng năm. HĐQT có trách nhiệm xây dựng quy chế phân phối lợi nhuận.

Bảng 16. Số dư các quỹ thuộc vốn chủ sở hữu

Đơn vị: Đồng

Khoản mục	Ngày 31/12/2017	Ngày 31/12/2018	Ngày 31/3/2019
Quỹ đầu tư phát triển	7.396.956.276	7.396.956.276	7.396.956.276
Quỹ khen thưởng phúc lợi	8.239.255.584	9.537.815.498	6.737.615.498
Quỹ khác thuộc vốn chủ sở hữu	0	0	0
Tổng cộng	15.636.211.860	16.934.771.774	14.134.571.774

Nguồn: BCTC kiểm toán năm 2018, BCTC Quý I năm 2019

Tổng dư nợ vay

Công ty không có dư nợ các khoản Vay và nợ thuê tài chính ngắn hạn và dài hạn

Tình hình công nợ hiện nay

Bảng 17. Các khoản phải thu của Công ty

Đơn vị: đồng

Chỉ tiêu	Ngày 31/12/2017	Ngày 31/12/2018	Ngày 31/03/2019
I. Các khoản phải thu ngắn hạn	51.078.299.606	66.879.347.609	26.015.860.001
Phải thu ngắn hạn của khách hàng	48.497.491.213	65.041.630.139	22.118.178.421
Trả trước cho người bán ngắn hạn	1.402.311.398	716.075.849	1.196.364.247
Phải thu ngắn hạn khác	1.178.496.995	1.121.641.621	2.701.317.333
II. Các khoản phải thu dài hạn	0	75.000.000	75.000.000
Phải thu dài hạn khác	0	75.000.000	75.000.000
Tổng cộng	51.078.299.606	66.954.347.609	26.090.860.001

Nguồn: BCTC kiểm toán năm 2018, BCTC Quý I năm 2019

Các khoản phải thu của khách hàng gồm các khoản phải thu mang tính thương mại phát sinh từ giao dịch có tính chất mua bán. Các khách hàng có khoản phải thu chiếm trên 10% tổng các khoản phải thu như: Tập đoàn Xăng dầu Việt Nam, Công ty Cổ phần Nhiên liệu Bay Petrolimex,...

Các khoản phải thu khác bao gồm các khoản phải thu không có tính chất thương mại, không liên quan đến giao dịch mua bán, bao gồm: tạm ứng cho CBNV đi công tác; phải thu bảo hiểm xã hội; ký cược, ký quỹ; phải thu về vật tư, hàng hóa sử dụng để thay thế vật tư, hàng hóa hỏng trong thời gian bảo hành sản phẩm.

Bảng 18. Các khoản nợ phải trả của Công ty

Đơn vị: Đồng

Chỉ tiêu	Ngày 31/12/2017	Ngày 31/12/2018	Ngày 31/03/2019
I. Nợ ngắn hạn	40.337.704.376	36.600.156.167	11.640.527.808
1. Phải trả người bán ngắn hạn	19.978.839.227	17.246.718.771	2.114.488.284
2. Người mua trả tiền trước ngắn hạn	265.712.636	404.267.054	1.341.400.026
3. Thuế và các khoản phải nộp Nhà nước	3.055.658.910	3.377.657.617	216.023.110
4. Phải trả người lao động	8.022.102.652	5.547.935.921	24.785.000
5. Phải trả ngắn hạn khác	189.662.924	144.996.231	137.505.200
6. Dự phòng phải trả ngắn hạn	586.472.443	340.765.075	1.068.710.690
7. Quỹ khen thưởng phúc lợi	8.239.255.584	9.537.815.498	6.737.615.498
II. Nợ dài hạn	-	-	-
NỢ PHẢI TRẢ	40.337.704.376	36.600.156.167	11.640.527.808

Nguồn: BCTC kiểm toán năm 2018, BCTC Quý I năm 2019

Công ty trích lập dự phòng phải trả để bảo hành sản phẩm hàng hóa, dự phòng bảo hành công trình và dự phòng phải trả tiền lương. Dự phòng bảo hành sản phẩm, hàng hóa theo cam kết với khách hàng là ước tính của Công ty về khoản nợ phải trả cho thời hạn bảo hành 12 tháng được áp dụng đối với các sản phẩm, hàng hóa trên cơ sở kinh nghiệm của công ty về xác suất các sản phẩm lỗi. Dự phòng bảo hành công trình theo quy định của hợp đồng là các khoản chi phí ước tính cho việc sửa chữa các công trình do Công ty thực hiện cho khách hàng, được trích lập theo tỷ lệ ước tính bằng 2% trên doanh thu công trình có yêu cầu bảo hành (năm 2017 tỷ lệ này là 4%). Tại thời điểm cuối năm tài chính 2018, Công ty sử dụng hết khoản dự phòng tiền lương đã trích lập, số dư cuối năm khoản dự phòng phải trả bao gồm số dư khoản dự phòng bảo hành sản phẩm, hàng hóa và công trình.

Quý I năm 2019, Công ty đã trích lập một khoản trên 3,5 tỷ cho dự phòng phải trả tiền lương, trong kỳ đã sử dụng gần 2,8 tỷ đồng nên số dư cuối kỳ này phát sinh cao hơn nhiều so với số dư cuối năm 2018.

11.2. Các chỉ tiêu tài chính chủ yếu

Bảng 19. Các chỉ tiêu tài chính chủ yếu

Các chỉ tiêu	Đơn vị tính	Năm 2017	Năm 2018
1. Chỉ tiêu về khả năng thanh toán			
- Hệ số thanh toán ngắn hạn (Tài sản ngắn hạn/Nợ ngắn hạn)	Lần	2,20	2,51
- Hệ số thanh toán nhanh (Tài sản ngắn hạn- Hàng tồn kho)/Nợ ngắn hạn)	Lần	2,05	2,25
2. Chỉ tiêu về cơ cấu vốn			
- Hệ số nợ/tổng tài sản	Lần	0,42	0,36
- Hệ số nợ/vốn chủ sở hữu	Lần	0,73	0,56
3. Chỉ tiêu về năng lực hoạt động			
- Vòng quay hàng tồn kho (Giá vốn hàng bán/Hàng tồn kho bình quân)	Lần	17,92	14,27
- Doanh thu thuần/Tổng tài sản bình quân	Lần	1,50	1,63
4. Chỉ tiêu về khả năng sinh lời			
- Tỷ suất lợi nhuận sau thuế/ Doanh thu thuần	%	12,36	11,80
- Tỷ suất lợi nhuận sau thuế/ Vốn CSH bình quân	%	33,01	31,47
- Tỷ suất lợi nhuận sau thuế/ Tổng TS bình quân	%	18,53	19,23
- Hệ số lợi nhuận từ hoạt động kinh doanh/ Doanh thu thuần	%	14,92	14,77

(Nguồn: Số liệu để tính toán theo BCTC kiểm toán năm 2017, 2018)

12. Hội đồng quản trị, Ban giám đốc, Ban kiểm soát, Kế toán trưởng

12.1. Hội đồng quản trị

Danh sách thành viên Hội đồng quản trị

Họ tên	Chức vụ	Điều hành
Ông: Phan Thanh Sơn	Chủ tịch HĐQT	Có
Ông: Lê Minh Quốc	Thành viên HĐQT	Không
Ông: Trần Ngọc Tuấn	Thành viên HĐQT	Có
Ông Hoàng Hải Đường	Thành viên HĐQT	Không
Ông Nguyễn Anh Toàn	Thành viên HĐQT	Không

Sơ yếu lý lịch của các thành viên Hội đồng quản trị:

Ông: Phan Thanh Sơn	
Giới tính	Nam
Ngày sinh	20/08/1962
Nơi sinh	Phú Thọ
Số CMND/ Hộ chiếu	012942877
Ngày cấp/ Nơi cấp	11/04/2007 - CA TP. Hà Nội
Quốc tịch	Việt Nam
Dân tộc	Kinh
Địa chỉ thường trú	P.309, nhà D, Tổ 7, P. Dịch Vọng, Cầu Giấy, TP. Hà Nội
Số điện thoại liên lạc ở cơ quan	0243.518.2072
Trình độ văn hóa	12/12
Trình độ chuyên môn	Cử nhân Kế toán
Quá trình công tác:	
- Từ 06/1987 đến 10/1987	Chuyên viên phòng Tài Vụ - Ban Liên hiệp xã thủ công nghiệp tỉnh Vĩnh Phú
- Từ 11/1987 đến 09/1991	Phụ trách phòng Kế toán - Xí nghiệp dệt khăn tắm xuất khẩu Việt Trì (nay là Công ty May Sông Hồng, TP. Việt Trì)
- Từ 10/1991 đến 05/1992	Chuyên viên phòng Kế toán - Công ty Xây dựng và Quản lý đường Việt Trì

- Từ 06/1992 đến 05/1993	Chuyên viên phòng Kế toán - Công ty Xăng dầu Vĩnh Phú
- Từ 06/1993 đến 08/2000	Phó trưởng phòng Kế toán Tài chính - Công ty Xăng dầu Vĩnh Phú
- Từ 09/2000 đến 06/2002	Quyền Trưởng phòng Kế toán Tài chính - Công ty Xăng dầu Phú Thọ
- Từ 07/2002 đến 05/2003	Phó Giám đốc - Công ty Xăng dầu Phú Thọ
- Từ 06/2003 đến 05/2008	Phó Trưởng phòng Tài chính Kế toán - Tổng Công ty Xăng dầu Việt Nam
- Từ 06/2008 đến 10/2018	Thành viên HĐQT, Giám đốc - Công ty CP Tin học Viễn thông Petrolimex
- Từ 10/2018 đến nay	Chủ tịch HĐQT, Giám đốc - Công ty CP Tin học Viễn thông Petrolimex
Chức vụ đang nắm giữ tại Công ty	Chủ tịch HĐQT kiêm Giám đốc
Chức vụ đang nắm giữ tại tổ chức khác	Không có
Số cổ phần cá nhân sở hữu	79.039 cổ phần chiếm 2,03% vốn điều lệ
Số cổ phần đại diện sở hữu	981.665 cổ phần chiếm 25,17% vốn điều lệ Đại diện vốn của CTCP - Tổng Công ty Xây lắp và Thương mại Petrolimex
Hành vi vi phạm pháp luật	Không
Quyền lợi mâu thuẫn với Công ty	Không
Những khoản nợ đối với Công ty	Không
Lợi ích liên quan tới Công ty	Không
Những người có liên quan nắm giữ cổ phần	Ông Phan Tùng Lâm (Con đẻ) - Số cổ phần: 4.543 chiếm 0,12% vốn điều lệ CTCP – Tổng Công ty Xây lắp và Thương mại Petrolimex: số cổ phần nắm giữ 1.962.905, chiếm 50,33% vốn điều lệ

Ông: Lê Minh Quốc	
Giới tính	Nam
Ngày sinh	12/07/1959
Nơi sinh	Hà Nội
Số CMND/ Hộ chiếu	011255904
Ngày cấp/ Nơi cấp	29/02/2012 - CA TP. Hà Nội
Quốc tịch	Việt Nam
Dân tộc	Kinh
Địa chỉ thường trú	62 Ngô Quyền - Hoàn Kiếm - Hà Nội

Số điện thoại liên lạc ở cơ quan	
Trình độ văn hóa	12/12
Trình độ chuyên môn	Tiến sỹ
Quá trình công tác:	
- Từ 1976 đến 1981	Đi học - Đại học Matxcova - CHLB Nga
- Từ 1981 đến 1988	Nghiên cứu viên khoa học - Viện khoa học Việt Nam
- Từ 1989 đến 1997	Nghiên cứu sinh & công tác viên - Viện hàn lâm khoa học CHLB Nga
- Từ 1997 đến 2006	Giám đốc - Công ty TNHH Việt Năng
- Từ 2006 đến 2009	Giám đốc - Công ty TNHH Việt Năng, Ủy viên HĐQT kiêm Phó Tổng Giám đốc - Công ty CP Hóa dầu Quân đội
- Từ 2009 đến 2010	Chủ tịch HĐQT - Công ty TNHH Việt Năng, Ủy viên HĐQT kiêm Phó Tổng Giám đốc - Công ty CP Hóa dầu Quân đội
- Từ 2010 đến 2017	Giám đốc - Công ty Cổ phần MípecLand, Ủy viên HĐQT kiêm Phó Tổng Giám đốc - Công ty CP Hóa dầu Quân đội, Chủ tịch HĐQT - Công ty TNHH Việt Năng
- Từ 2017 đến nay	Ủy viên HĐQT kiêm Phó Tổng Giám đốc - Công ty CP Hóa dầu Quân đội, Chủ tịch HĐQT - Công ty TNHH Việt Năng
- Từ 10/2018 đến nay	Ủy viên HĐQT Công ty Cổ phần Tin học Viễn thông Petrolimex, Chủ tịch HĐQT - Công ty TNHH Việt Năng
Chức vụ đang nắm giữ tại Công ty	Thành viên HĐQT (Không tham gia điều hành)
Chức vụ đang nắm giữ tại tổ chức khác	Phó Tổng Giám đốc Công ty CP Hóa dầu Quân đội Chủ tịch HĐQT - Công ty TNHH Việt Năng
Số cổ phần cá nhân sở hữu	Không
Số cổ phần đại diện sở hữu	490.620 cổ phần chiếm 12,58% vốn điều lệ Đại diện vốn của CTCP Tổng Công ty Xây lắp và Thương mại Petrolimex
Hành vi vi phạm pháp luật	Không
Quyền lợi mâu thuẫn với Công ty	Không
Những khoản nợ đối với Công ty	Không
Lợi ích liên quan tới Công ty	Không
Những người có liên quan nắm giữ cổ phần	CTCP – Tổng Công ty Xây lắp và Thương mại Petrolimex: số cổ phần nắm giữ 1.962.905, chiếm 50,33% vốn điều lệ

Ông: Trần Ngọc Tuấn	
Giới tính	Nam
Ngày sinh	13/06/1975
Nơi sinh	Nam Định
Số CMND/ Hộ chiếu	036075006887
Ngày cấp/ Nơi cấp	30/08/2018 - Cục cảnh sát ĐKQL cư trú và DLQG về dân cư
Quốc tịch	Việt Nam
Dân tộc	Kinh
Địa chỉ thường trú	P.410, Lô C, Khu D5, P. Dịch Vọng Hậu, Q. Cầu Giấy, TP. Hà Nội
Số điện thoại liên lạc ở cơ quan	0243.518.2072
Trình độ văn hóa	12/12
Trình độ chuyên môn	Thạc sỹ Tự động hóa
Quá trình công tác:	
- Từ 10/1997 đến 06/2002	Chuyên viên Trung tâm Tin học & Tự động hóa - Tổng Công ty Xăng dầu Việt Nam
- Từ 07/2002 đến 12/2008	Chuyên viên Phòng Công nghệ thông tin - Tổng Công ty Xăng dầu Việt Nam
- Từ 01/2009 đến 06/2009	Phó Giám đốc - Công ty CP Tin học Viễn thông Petrolimex
- Từ 07/2009 đến 03/2011	Phó Giám đốc, Giám đốc Chi nhánh - Công ty CP Tin học Viễn thông Petrolimex
- Từ 04/2011 đến 02/2013	Thành viên HĐQT, Phó Giám đốc, Giám đốc Chi nhánh - Công ty CP Tin học Viễn thông Petrolimex
- Từ 03/2013 đến 04/2016	Thành viên HĐQT, Phó Giám đốc - Công ty CP Tin học Viễn thông Petrolimex
- Từ 04/2016 đến 04/2018	Phó Giám đốc - Công ty CP Tin học Viễn thông Petrolimex
- Từ 04/2018 đến nay	Thành viên HĐQT, Phó Giám đốc - Công ty CP Tin học Viễn thông Petrolimex
Chức vụ đang nắm giữ tại Công ty	Thành viên HĐQT kiêm Phó Giám đốc Công ty
Chức vụ đang nắm giữ tại tổ chức khác	Không có
Số cổ phần cá nhân sở hữu	68.219 cổ phần, chiếm 1,53% vốn điều lệ
Số cổ phần đại diện sở hữu	490.620 cổ phần chiếm 12,58% vốn điều lệ Đại diện vốn của CTCP - Tổng Công ty Xây lắp và Thương mại Petrolimex
Hành vi vi phạm pháp luật	Không

Quyền lợi mâu thuẫn với Công ty	Không
Những khoản nợ đối với Công ty	Không
Lợi ích liên quan tới Công ty	Không
Những người có liên quan nắm giữ cổ phần	CTCP – Tổng Công ty Xây lắp và Thương mại Petrolimex: số cổ phần nắm giữ 1962.905, chiếm 50,33% vốn điều lệ

Ông: Hoàng Hải Đường	
Giới tính	Nam
Ngày sinh	22/01/1961
Nơi sinh	Hải Phòng
Số CMND/ Hộ chiếu	031061000432
Ngày cấp/ Nơi cấp	04/12/2014 - ĐKQL cư trú và DLQG về dân cư
Quốc tịch	Việt Nam
Dân tộc	Kinh
Địa chỉ thường trú	Số nhà 30, ngõ 80, Phố Chùa Láng, Q. Đống Đa, TP. Hà Nội
Số điện thoại liên lạc ở cơ quan	
Trình độ văn hóa	12/12
Trình độ chuyên môn	Thạc sỹ Quản trị Kinh doanh
Quá trình công tác:	
- Từ 1982 đến 1988	Học tập và làm việc tại Nước Tiệp Khắc
- Từ 1991 đến 1994	Doanh nghiệp tư nhân
- Từ 1995 đến 2003	Giám đốc - Công ty TNHH Mặt trời Vàng
- Từ 2003 đến 2006	Tổng Giám đốc - Công ty CP Phát triển Bóng đá Việt Nam VFD
- Từ 2006 đến nay	Giám đốc - Công ty CP Marketing Mặt trời vàng, Thành viên HĐQT - Công ty CP Tin học Viễn thông Petrolimex
Chức vụ đang nắm giữ tại Công ty	Thành viên HĐQT - Công ty CP Tin học Viễn thông Petrolimex
Chức vụ đang nắm giữ tại tổ chức khác	Giám đốc - Công ty CP Marketing Mặt trời vàng
Số cổ phần cá nhân sở hữu	391.765 cổ phần, chiếm 10,05% vốn điều lệ
Số cổ phần đại diện sở hữu	Không
Hành vi vi phạm pháp luật	Không
Quyền lợi mâu thuẫn với Công ty	Không
Những khoản nợ đối với Công ty	Không

Lợi ích liên quan tới Công ty	Không
Những người có liên quan nắm giữ cổ phần	Không

Ông: Nguyễn Anh Toàn	
Giới tính	Nam
Ngày sinh	30/01/1979
Nơi sinh	Hải Phòng
Số CMND/ Hộ chiếu	031079000021
Ngày cấp/ Nơi cấp	03/01/2014 - Cục CS ĐKQL cư trú và DLQG về dân cư
Quốc tịch	Việt Nam
Dân tộc	Kinh
Địa chỉ thường trú	Số 4, Ngõ 46/41 Phạm Ngọc Thạch, Đống Đa, Hà Nội
Số điện thoại liên lạc ở cơ quan	024.3255.5511
Trình độ văn hóa	12/12
Trình độ chuyên môn	Thạc sỹ Quản trị kinh doanh
Quá trình công tác:	
- Từ 01/2000 đến 08/2002	Nhân viên Xuất Nhập Khẩu và giao nhận hàng hóa - Công ty TNHH TeamWork Hà Nội
- Từ 09/2002 đến 01/2005	Phó Giám đốc Kinh doanh - Công ty CP Thương mại Thành Công Hà Nội
- Từ 02/2005 đến 09/2008	Chuyên viên Phòng Lao động Tiền lương - Tổng Công ty Xăng dầu Việt Nam
- Từ 10/2008 đến 04/2012	Chuyên viên Phòng Tổ chức Nhân sự - Tổng Công ty Xăng dầu Việt Nam
- Từ 04/2012 đến 12/2014	Chuyên viên Văn phòng - Tập đoàn Xăng dầu Việt Nam
- Từ 01/2015 đến 06/2018	Chuyên viên Phòng Tổ chức Nhân sự - Tập đoàn Xăng dầu Việt Nam
- Từ 07/2018 đến nay	Phó trưởng phòng Tổ chức Hành chính – CTCP - Tổng Công ty Xây lắp và Thương mại Petrolimex
- Từ 10/2018 đến nay	Thành viên HĐQT Công ty CP Tin học Viễn thông Petrolimex
Chức vụ đang nắm giữ tại Công ty	Thành viên HĐQT Công ty CP Tin học Viễn thông Petrolimex
Chức vụ đang nắm giữ tại tổ chức khác	Phó trưởng phòng Tổ chức Hành chính – CTCP - Tổng Công ty Xây lắp và Thương mại Petrolimex

Số cổ phần cá nhân sở hữu	Không
Số cổ phần đại diện sở hữu	Không
Hành vi vi phạm pháp luật	Không
Quyền lợi mâu thuẫn với Công ty	Không
Những khoản nợ đối với Công ty	Không
Lợi ích liên quan tới Công ty	Không
Những người có liên quan nắm giữ cổ phần	Không có

12.2. Ban Giám đốc

Danh sách thành viên Ban Giám đốc

Họ tên	Chức vụ
Ông: Phan Thanh Sơn	Giám đốc
Ông: Trần Ngọc Tuấn	Phó Giám đốc
Ông: Nguyễn Văn Quý	Phó Giám đốc kiêm Kế toán trưởng
Ông: Trần Quang Hùng	Phó Giám đốc

Sơ yếu lý lịch các thành viên Ban giám đốc:

Sơ yếu lý lịch của ông Phan Thanh Sơn và ông Trần Ngọc Tuấn được thể hiện tại Mục Hội đồng quản trị;

Ông: Nguyễn Văn Quý	
Giới tính	Nam
Ngày sinh	05/05/1983
Nơi sinh	Hà Nội
Số CMND/ Hộ chiếu	001083004306
Ngày cấp/ Nơi cấp	13/10/2014 - Cục cảnh sát ĐKQL cư trú và DLQG về Dân cư
Quốc tịch	Việt Nam
Dân tộc	Kinh
Địa chỉ thường trú	P2902 HH2C, KĐT Linh Đàm, P. Hoàng Liệt, Q. Hoàng Mai, TP. Hà Nội
Số điện thoại liên lạc ở cơ quan	024.3518.2072
Trình độ văn hóa	12/12

Trình độ chuyên môn	Thạc sỹ Quản trị kinh doanh
Quá trình công tác:	
- Từ 10/2006 đến 10/2008	Chuyên viên Phòng Tài Chính Kế toán - Công ty CP Tin học Viễn thông Petrolimex
- Từ 11/2008 đến 06/2009	Phó Trưởng phòng Tài Chính Kế toán - Công ty CP Tin học Viễn thông Petrolimex
- Từ 07/2009 đến 02/2012	Trưởng phòng Tài Chính Kế toán - Công ty CP Tin học Viễn thông Petrolimex
- Từ 03/2012 đến 04/2018	Kế toán trưởng - Công ty CP Tin học Viễn thông Petrolimex
- Từ 05/2018 đến nay	Phó Giám đốc kiêm Kế toán trưởng - Công ty CP Tin học Viễn thông Petrolimex
Chức vụ đang nắm giữ tại Công ty	Phó Giám đốc kiêm Kế toán trưởng
Chức vụ đang nắm giữ tại tổ chức khác	Không có
Số cổ phần cá nhân sở hữu	2.620 cổ phần, chiếm 0,07% vốn điều lệ
Số cổ phần đại diện sở hữu	Không
Hành vi vi phạm pháp luật	Không
Quyền lợi mâu thuẫn với Công ty	Không
Những khoản nợ đối với Công ty	Không
Lợi ích liên quan tới Công ty	Không
Những người có liên quan nắm giữ cổ phần	Không có
Ông: Trần Quang Hùng	
Giới tính	Nam
Ngày sinh	01/04/1976
Nơi sinh	Nam Định
Số CMND/ Hộ chiếu	162080483
Ngày cấp/ Nơi cấp	28/07/2009 – CA Nam Định
Quốc tịch	Việt Nam
Dân tộc	Kinh
Địa chỉ thường trú	Số 4, ngõ 420/24/7 Khuong Đình, P.Hạ Đình, Q.Thanh Xuân, TP.Hà Nội
Số điện thoại liên lạc ở cơ quan	024.3518.2072
Trình độ văn hóa	12/12
Trình độ chuyên môn	Kỹ sư Tin học Quản lý
Quá trình công tác:	

- Từ 12/1999 đến 09/2003	Chuyên viên P. Tin học - Trung tâm Tin học và Tự động hóa Petrolimex
- Từ 10/2003 đến 04/2005	Chuyên viên Tin học - Công ty CP Tin học Viễn thông Petrolimex
- Từ 05/2005 đến 02/2007	Phó Trưởng phòng Tin học 1 - Công ty CP Tin học Viễn thông Petrolimex
- Từ 03/2007 đến 04/2007	Trưởng phòng Giải pháp Phần mềm - Công ty CP Tin học Viễn thông Petrolimex
- Từ 08/2008 đến 10/2009	Trưởng phòng Giải pháp Phần mềm - Công ty CP Tin học Viễn thông Petrolimex
- Từ 11/2009 đến 09/2015	Trưởng phòng Dịch vụ ERP, Trung tâm Dịch vụ phần mềm & ERP - Công ty CP Tin học Viễn thông Petrolimex
- Từ 09/2015 đến 04/2018	Giám đốc Trung tâm Dịch vụ Phần mềm & ERP - Công ty CP Tin học Viễn thông Petrolimex
- Từ 05/2018 đến nay	Phó Giám đốc kiêm Giám đốc Trung tâm Dịch vụ phần mềm & ERP - Công ty CP Tin học Viễn thông Petrolimex
Chức vụ đang nắm giữ tại Công ty	Phó Giám đốc
Chức vụ đang nắm giữ tại tổ chức khác	Không có
Số cổ phần cá nhân sở hữu	3.690 cổ phần, chiếm 0,09% vốn điều lệ
Số cổ phần đại diện sở hữu	Không
Hành vi vi phạm pháp luật	Không
Quyền lợi mâu thuẫn với Công ty	Không
Những khoản nợ đối với Công ty	Không
Lợi ích liên quan tới Công ty	Không
Những người có liên quan nắm giữ cổ phần	Không có

12.3. Ban Kiểm soát

Danh sách thành viên Ban Kiểm soát

Họ tên	Chức vụ
Ông Nguyễn Đàm Kiên	Trưởng Ban kiểm soát
Bà Vũ Thị Hằng	Thành viên Ban kiểm soát
Bà Trần Thị Hương	Thành viên Ban kiểm soát

Sơ yếu lý lịch thành viên Ban Kiểm soát:

Ông: Nguyễn Đàm Kiên	
Giới tính	Nam
Ngày sinh	29/06/1981
Nơi sinh	Ninh Bình
Số CMND/ Hộ chiếu	164106593
Ngày cấp/ Nơi cấp	30/12/2014 - CA. Ninh Bình
Quốc tịch	Việt Nam
Dân tộc	Kinh
Địa chỉ thường trú	P809A - Tòa nhà Gemek Tower - KĐT Lê Trọng Tấn - An Khánh - Hoài Đức - HN
Số điện thoại liên lạc ở cơ quan	024.3518.2072
Trình độ văn hóa	12/12
Trình độ chuyên môn	Cử nhân Kinh tế
Quá trình công tác:	
- Từ 2006 đến 2007	Nhân viên Kế toán - Công ty Điện tử Hoàn Kiếm, Hà Nội
- Từ 2008 đến 04/2010	Nhân viên Kế toán - Công ty TNHH Nissin Logistics (VN)
- Từ 05/2010 đến 05/2011	Chuyên viên Kế toán - Công ty CP Tin học Viễn thông Petrolimex
- Từ 06/2011 đến 04/2016	Chuyên viên Phòng Dịch vụ ERP - Công ty CP Tin học Viễn thông Petrolimex
- Từ 04/2016 đến 04/2018	Thành viên Ban kiểm soát, Chuyên viên Phòng Dịch vụ ERP - Công ty CP Tin học Viễn thông Petrolimex
- Từ 05/2018 đến 03/2019	Thành viên Ban kiểm soát, Phó Trưởng phòng Tài chính Kế toán - Công ty CP Tin học Viễn thông Petrolimex
- Từ 04/2019 đến nay	Trưởng Ban kiểm soát - Công ty CP Tin học Viễn thông Petrolimex
Chức vụ đang nắm giữ tại Công ty	Trưởng Ban kiểm soát (Chuyên trách)
Chức vụ đang nắm giữ tại tổ chức khác	Không có
Số cổ phần cá nhân sở hữu	1.296 cổ phần, chiếm 0,03% vốn điều lệ

Số cổ phần đại diện sở hữu	Không
Hành vi vi phạm pháp luật	Không
Quyền lợi mâu thuẫn với Công ty	Không
Những khoản nợ đối với Công ty	Không
Lợi ích liên quan tới Công ty	Không
Những người có liên quan nắm giữ cổ phần	Không có

Bà: Vũ Thị Hằng	
Giới tính	Nữ
Ngày sinh	27/11/1983
Nơi sinh	Thái Bình
Số CMND/ Hộ chiếu	151483375
Ngày cấp/ Nơi cấp	28/07/2000 - CA. Thái Bình
Quốc tịch	Việt Nam
Dân tộc	Kinh
Địa chỉ thường trú	Số 7 ngách 67/5 Đình Thôn, Mỹ Đình 1, Nam Từ Liêm, Hà Nội
Số điện thoại liên lạc ở cơ quan	024.3518.2072
Trình độ văn hóa	12/12
Trình độ chuyên môn	Cử nhân Kinh tế
Quá trình công tác:	
- Từ 01/2007 đến 11/2007	Nhân viên Kế toán - Công ty TNHH Ứng dụng Công nghệ Tài chính Kế toán và Thống kê
- Từ 11/2007 đến 07/2009	Chuyên viên tư vấn Tài chính Kế toán - Công ty Kim Tự Tháp
- Từ 07/2009 đến 01/2010	Trưởng nhóm tư vấn Tài chính Kế toán ERP - Công ty Tectura
- Từ 01/2010 đến 05/2016	Trưởng phòng Dịch vụ ERP - Công ty CP Tin học Viễn thông Petrolimex
- Từ 06/2016 đến 04/2018	Trưởng phòng Dịch vụ Phần mềm - Công ty CP Tin học Viễn thông Petrolimex
- Từ 04/2018 đến nay	Thành viên Ban kiểm soát, Trưởng phòng Dịch vụ Phần mềm - Công ty CP Tin học Viễn thông Petrolimex

Chức vụ đang nắm giữ tại Công ty	Trưởng phòng Dịch vụ Phần mềm, Thành viên Ban kiểm soát
Chức vụ đang nắm giữ tại tổ chức khác	Không có
Số cổ phần cá nhân sở hữu	1.946 cổ phần, chiếm 0,05% vốn điều lệ
Số cổ phần đại diện sở hữu	Không
Hành vi vi phạm pháp luật	Không
Quyền lợi mâu thuẫn với Công ty	Không
Những khoản nợ đối với Công ty	Không
Lợi ích liên quan tới Công ty	Không
Những người có liên quan nắm giữ cổ phần	Không có

Bà: Trần Thị Hường	
Giới tính	Nữ
Ngày sinh	01/11/1985
Nơi sinh	Hà Nội
Số CMND/ Hộ chiếu	012499486
Ngày cấp/ Nơi cấp	21/05/2005 - CA. Hà Nội
Quốc tịch	Việt Nam
Dân tộc	Kinh
Địa chỉ thường trú	Thuận Tồn - Đa Tồn - Gia Lâm – Hà Nội
Số điện thoại liên lạc ở cơ quan	024.3255.5511
Trình độ văn hóa	12/12
Trình độ chuyên môn	Cử nhân Kinh tế
Quá trình công tác:	
- Từ 06/2006 đến 07/2018	Chuyên viên Kế toán - Công ty TNHH MTV XNK Petrolimex Hà Nội
- Từ 08/2018 đến nay	Chuyên viên Kế toán - Tổng Công ty Xây lắp và Thương mại Petrolimex
Từ 04/2019 đến nay	Thành viên Ban kiểm soát Công ty CP Tin học Viễn thông Petrolimex; Chuyên viên Kế toán - Tổng Công ty Xây lắp và Thương mại Petrolimex
Chức vụ đang nắm giữ tại Công ty	Không tham gia điều hành

Chức vụ đang nắm giữ tại tổ chức khác	Chuyên viên Kế toán - Tổng Công ty Xây lắp và Thương mại Petrolimex
Số cổ phần cá nhân sở hữu	Không
Số cổ phần đại diện sở hữu	Không
Hành vi vi phạm pháp luật	Không
Quyền lợi mâu thuẫn với Công ty	Không
Những khoản nợ đối với Công ty	Không
Lợi ích liên quan tới Công ty	Không
Những người có liên quan nắm giữ cổ phần	Không có

13. Tài sản

Tình hình tài sản cố định của công ty tính đến thời điểm ngày 31/12/2018 được thể hiện trong bảng dưới đây

Bảng 20. Tình hình tài sản của Công ty tại thời điểm 31/12/2018

Đơn vị: đồng

Chỉ tiêu	Nguyên giá	Giá trị còn lại	% Giá trị còn lại/Nguyên giá
1. Tài sản cố định hữu hình	12.251.959.188	4.416.415.296	36,05
Máy móc thiết bị	5.376.724.099	877.500.636	16,32
Phương tiện vận tải, thiết bị truyền dẫn	5.356.345.909	3.426.194.247	63,97
Thiết bị, dụng cụ quản lý	1.518.889.180	112.720.413	7,42
2. Tài sản cố định vô hình	1.465.850.000	715.955.350	48,84
Chương trình phần mềm	999.450.000	715.955.350	71,63
Tài sản cố định vô hình khác	466.400.000	0	0,00
TỔNG CỘNG	13.717.809.188	5.132.370.646	37,41

Nguồn: BCTC kiểm toán năm 2018

Tình hình tài sản cố định của công ty tính đến thời điểm ngày 31/03/2019 được thể hiện trong bảng dưới đây

Bảng 21. Tình hình tài sản của Công ty tại thời điểm 31/03/2019

Đơn vị: Đồng

Chỉ tiêu	Nguyên giá	Giá trị còn lại	% Giá trị còn lại/Nguyên giá
1. Tài sản cố định hữu hình	12.272.801.188	4.107.984.931	33,47

Chỉ tiêu	Nguyên giá	Giá trị còn lại	% Giá trị còn lại/Nguyên giá
Máy móc thiết bị	5.437.774.099	786.184.897	14,46
Phương tiện vận tải, thiết bị truyền dẫn	5.356.345.909	3.246.796.290	60,62
Thiết bị, dụng cụ quản lý	1.478.681.180	75.003.744	5,07
2. Tài sản cố định vô hình	1.465.850.000	663.165.169	45,24
Chương trình phần mềm	999.450.000	663.165.169	66,35
Tài sản cố định vô hình khác	466.400.000	0	0,00
TỔNG CỘNG	13.738.651.188	4.771.150.100	34,73

Nguồn: BCTC quý I/2019

14. Kế hoạch sản xuất kinh doanh, lợi nhuận và cổ tức trong năm tiếp theo

- Các mục tiêu chủ yếu năm 2019:**

- Duy trì tốc độ tăng trưởng doanh thu 15%; tập trung nguồn lực cho đầu tư xây dựng sản phẩm mới, phát triển nguồn nhân lực và nâng cấp hệ thống quản trị;
- Phát triển thị trường ngoài ngành trên 30% doanh thu;
- Đảm bảo thu nhập bình quân cho người lao động: 23 triệu đồng/người/tháng;
- Tỷ lệ trả cổ tức tối thiểu 20%/năm.

- Kế hoạch sản xuất kinh doanh, lợi nhuận và cổ tức trong các năm tiếp theo:**

Bảng 22. Kế hoạch sản xuất kinh doanh, lợi nhuận và cổ tức năm 2019-2020

Chỉ tiêu	Năm 2019		Năm 2020	
	Giá trị (Triệu đ)	% tăng giảm so với năm 2018	Giá trị (Triệu đ)	% tăng giảm so với năm 2019
Tổng doanh thu	187.158	14,8	215.000	14,9
Lợi nhuận sau thuế	21.906	15,13	23.400	6,8
Vốn điều lệ	39.000	0	39.000	0
Tỷ lệ lợi nhuận sau thuế/ Tổng Doanh thu	11,7	-	10,88	-
Tỷ lệ lợi nhuận sau thuế/ Vốn điều lệ	56,2	-	60,0	-
Cổ tức	20,0	(50)	20,0	0

Nguồn: Công ty cổ phần Tin học Viễn thông Petrolimex

Ghi chú: Kế hoạch sản xuất kinh doanh, lợi nhuận và cổ tức năm 2019 đã được ĐHĐCĐ thông qua theo nghị quyết số: 148/PIACOM – NQ – ĐHĐCĐ.

Kế hoạch sản xuất kinh doanh và lợi nhuận năm 2020 được công ty xây dựng dựa trên mục tiêu duy trì tốc độ tăng trưởng 15%/năm.

Tổng doanh thu bằng tổng doanh thu thuần, doanh thu hoạt động tài chính và thu nhập khác. Trong giai đoạn 2017 - Quý I/2019, doanh thu thuần mỗi năm chiếm khoảng từ 97-99% tổng doanh thu.

• **Căn cứ để đạt được kế hoạch**

Đứng trước các thuận lợi và khó khăn do khách quan và chủ quan đem lại, Ban lãnh đạo Công ty đã có bước điều chỉnh kế hoạch tài chính và lợi nhuận một cách thận trọng nhằm hoàn thành các mục tiêu đã đề ra và phát triển ổn định. Với kỳ vọng sang năm 2019, kinh tế Việt Nam nói riêng và kinh tế thế giới nói chung có xu hướng tăng trưởng tốt sẽ tạo điều kiện tốt cho Công ty thực hiện các chiến lược, kế hoạch kinh doanh đã đề ra. Một số cơ sở để xây dựng kế hoạch của Công ty là:

- Công ty đang tập trung đầu tư xây dựng sản phẩm phần mềm quản trị nguồn lực doanh nghiệp ERP phù hợp với doanh nghiệp Việt Nam đồng thời đầu tư hoàn thiện, nâng cấp sản phẩm tự động hóa cửa hàng (bán hàng tự phục vụ, bán hàng tự chọn, EGAS Printer)
- Công ty đang áp dụng thí điểm một số chính sách như chính sách giá, chính sách khuyến khích xúc tiến bán hàng đối với một số sản phẩm bước đầu phát huy hiệu quả tốt.
- Công ty tiếp tục triển khai vận hành hệ thống đánh giá hiệu suất công việc (KPI) trong hoạt động quản trị. Đây là động lực thúc đẩy năng suất và hiệu quả làm việc của cán bộ công nhân viên công ty.
- Công ty tiếp tục hoàn thiện và ban hành hệ thống khung năng lực lõi (CCF); xây dựng tháp đào tạo phục vụ công tác đào tạo nâng cao chất lượng lao động của công ty. Bên cạnh đó, công ty nâng cấp hệ thống quản trị chất lượng theo tiêu chuẩn ISO 9001:2008 lên tiêu chuẩn ISO 9001:2015, từ đó chất lượng sản phẩm hàng hóa và dịch vụ của công ty cũng được nâng cao giúp hoàn thành chỉ tiêu kế hoạch về doanh thu và lợi nhuận đặt ra.

- **Một số giải pháp chủ yếu:**

Về thị trường: Tiếp tục xác định thị trường nội bộ Tập đoàn Xăng dầu Việt Nam là thị trường chính của Công ty. Tập trung phát triển thị trường ngoài ngành đặc biệt là thị trường bán lẻ xăng dầu và thị trường nước ngoài, phấn đấu tỷ trọng thị trường ngoài ngành đạt trên 30%.

Về sản phẩm

- Tiếp tục duy trì các sản phẩm, dịch vụ chủ lực của Công ty:

- + Giải pháp quản lý cửa hàng xăng dầu: EGAS, AGAS;
- + Giải pháp quản trị nguồn lực doanh nghiệp (ERP);
- + Dịch vụ bảo trì hệ thống phần mềm EGAS;
- + Dịch vụ hỗ trợ vận hành và bảo trì SAP_ERP;
- + Nhóm giải pháp tự động hóa kho xăng dầu: Tự động hóa Bền xuất, tự động hóa phối trộn nhiên liệu sinh học, tự động hóa đo bồn, tự động hóa dây chuyền pha chế dầu nhờn;
- + Giải pháp bán hàng tự chọn;
- + Dịch vụ vận hành trung tâm dữ liệu và quản trị các ứng dụng trên Datacenter;
- + Dịch vụ thiết kế và thi công hệ thống mạng.

- Nghiên cứu nâng cấp và phát triển sản phẩm, dịch vụ mới:

- + Xây dựng giải pháp quản trị nguồn lực doanh nghiệp ERP (Nuclos);
- + Dịch vụ thuê mua tài sản cho các nhóm giải pháp tự động hóa cửa hàng xăng dầu;
- + Giải pháp Camera kho xăng dầu;
- + Dịch vụ an toàn an ninh hệ thống công nghệ thông tin.

Thiết lập mối quan hệ với các nhà cung cấp: Tiếp tục củng cố mối quan hệ với các hãng sản xuất và các đối tác. Thúc đẩy và mở rộng việc tổ chức các buổi giới thiệu, đào tạo về sản phẩm, giải pháp của các Hãng.

Về phát triển mạng lưới dịch vụ: Tiếp tục hợp tác với các công ty xăng dầu để phát triển mạng lưới cộng tác viên trong việc triển khai và vận hành dự án cửa hàng xăng dầu và kinh doanh EGAS ngoài xã hội.

Phát triển công tác kinh doanh

- Tập trung phát triển chất lượng đội ngũ làm công tác kinh doanh. Bổ sung nhân lực; Tổ chức đào tạo chuyên sâu cho cán bộ nhân viên làm kinh doanh theo yêu cầu của khung năng lực CCF và đào tạo kiến thức về quản lý trong lĩnh vực kinh doanh xăng dầu.
- Thực hiện đổi mới hoạt động kinh doanh, sửa đổi cơ chế kinh doanh nhằm phát huy mọi nguồn lực cho kinh doanh; Rà soát cập nhật, xây dựng và ban hành các chính sách kinh doanh năm 2019.
- Nâng cấp chất lượng công tác kế hoạch, chất lượng công tác mua hàng, tổ chức hệ thống thông tin kinh doanh.

Công tác tổ chức, lao động và tiền lương

- Rà soát cấu trúc hợp lý mô hình tổ chức Công ty phù hợp với định hướng kinh doanh từng thời kỳ.
- Tiếp tục triển khai vận hành Quy chế Tổ chức cán bộ, tổ chức đào tạo cho cán bộ trong quy hoạch để chuẩn bị tốt nguồn cán bộ đáp ứng yêu cầu nhiệm vụ; tiến hành luân chuyển cán bộ phù hợp với năng lực và yêu cầu công tác.
- Tổ chức rà soát sửa đổi Quy chế tiền lương theo hướng thị trường, chú trọng nâng cao thu nhập khối lao động kỹ thuật; phù hợp với mặt bằng lương, thu hút lao động kỹ thuật đáp ứng được nguồn lực cho Công ty. Nâng cao hiệu quả trong việc sử dụng phân hệ tiền lương trong phần mềm hệ thống thông tin PIACOM.

Công tác tài chính kế toán

- Tiếp tục tập trung vào công tác quản trị nội bộ, trọng tâm là nâng cấp phần mềm hệ thống thông tin phân hệ kế toán quản trị.
- Nâng cao chất lượng đội ngũ kế toán theo hướng năng động, chuyên nghiệp.

Công tác quản trị doanh nghiệp

- Tiếp tục thực hiện các bước trong quy trình theo tiêu chuẩn ISO, xây dựng chương trình và công cụ giám sát việc duy trì và thực hiện ISO tại các đơn vị.
- Tiếp tục tập trung triển khai quyết liệt các ứng dụng công nghệ thông tin trong công tác quản trị.

- Tiếp tục triển khai hệ thống khu năng lực lõi (CCF) và hệ thống chỉ số đánh giá hiệu suất công việc (KPI) vào hoạt động quản trị của Công ty.

Kế hoạch đầu tư, dự án đã được thông qua: Công ty tiếp tục đầu tư phát triển sản phẩm:

- Tiếp tục triển khai đầu tư sản phẩm PIACOM_ERP;
- Đầu tư xây dựng giải pháp thanh toán bằng QR Code tại cửa hàng xăng dầu;
- Đầu tư xây dựng sản phẩm dịch vụ an ninh an toàn công nghệ thông tin;
- Đầu tư hạ tầng công nghệ thông tin, tool quản lý hệ thống máy tính;
- Đầu tư nâng cấp thiết bị phòng LAB;
- Đầu tư nâng cấp phần mềm hệ thống thông tin.

Tổng giá trị đầu tư: 10,4 tỷ đồng.

Kết quả thực hiện quý I/2019

Bảng 23. Kết quả thực hiện quý I năm 2019

Chỉ tiêu	Đơn vị	Kế hoạch năm 2019	Quý I năm 2019	Thực hiện quý I/ Kế hoạch năm 2019 (%)
Tổng Doanh thu	Triệu đồng	187.158	7.749	4,14
Lợi nhuận sau thuế	Triệu đồng	21.906	753	3,57

Nguồn: Công ty Cổ phần Tin học Viễn thông Petrolimex

Do đặc thù ngành nghề kinh doanh, công ty hoạt động theo mô hình dự án và thường triển khai các công trình có thời gian thực hiện kéo dài. Do đó, giá trị bàn giao đầu năm thường thấp, doanh thu sẽ tập trung nhiều vào các tháng cuối năm.

15. Đánh giá của tổ chức tư vấn về kế hoạch lợi nhuận và cổ tức

Dưới góc độ của Tổ chức tư vấn, Công ty cổ phần Chứng khoán FPT đã thu thập các thông tin, tiến hành các nghiên cứu phân tích và đánh giá cần thiết về hoạt động kinh doanh của Công ty Cổ phần Tin học Viễn thông Petrolimex cũng như các lĩnh vực kinh doanh mà Công ty đang triển khai. Chúng tôi nhận thấy rằng, Công ty Cổ phần Tin học Viễn thông Petrolimex là doanh nghiệp có vị thế hoạt động trong ngành, có đội ngũ cán bộ công nhân viên lành nghề và Ban lãnh đạo có bản lĩnh, năng động trong sản xuất kinh doanh, đầu tư các dự án của công ty.

Dựa trên kết quả kinh doanh các năm vừa qua cùng với dự báo về triển vọng phát triển ngành trong những năm sắp tới, chúng tôi cho rằng kế hoạch kinh doanh và lợi nhuận của Công ty trong năm tới là phù hợp và khả thi nếu như không có những biến động bất thường và bất khả kháng tác động đến hoạt động sản xuất kinh doanh của doanh nghiệp.

Chúng tôi cũng xin lưu ý rằng, các ý kiến nhận xét nêu trên được đưa ra dưới góc độ đánh giá của một tổ chức tư vấn, dựa trên những cơ sở thông tin được thu thập có chọn lọc dựa trên lý thuyết về tài chính chứng khoán mà không hàm ý bảo đảm giá trị của chứng khoán cũng như tính chắc chắn của những số liệu được dự báo. Nhận xét này chỉ mang tính tham khảo với nhà đầu tư khi tự mình đưa ra quyết định đầu tư. Công ty cổ phần Chứng khoán FPT không sở hữu bất kỳ cổ phiếu nào của Công ty Cổ phần Tin học Viễn thông Petrolimex.

16. Thông tin về những cam kết nhưng chưa thực hiện của tổ chức đăng ký niêm yết
Không có

17. Các thông tin, các tranh chấp kiện tụng liên quan tới Công ty mà có thể ảnh hưởng đến giá cả chứng khoán niêm yết (nếu có).

Không có

V. CHỨNG KHOÁN NIÊM YẾT

1. **Loại chứng khoán:** Cổ phiếu phổ thông
2. **Mệnh giá:** 10.000 đồng/ cổ phiếu
3. **Mã chứng khoán:** PIA
4. **Tổng số chứng khoán niêm yết:** 3.900.000 cổ phiếu
5. **Số lượng cổ phiếu, trái phiếu bị hạn chế chuyển nhượng theo quy định của pháp luật hoặc của tổ chức phát hành**

Theo quy định tại điểm d khoản 1 Điều 54 Nghị định số 58/2012/NĐ-CP ngày 20/7/2012 quy định chi tiết và hướng dẫn thi hành một số điều của Luật chứng khoán và Luật sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật chứng khoán: *Cổ đông là cá nhân, tổ chức có đại diện sở hữu là thành viên Hội đồng quản trị, Ban kiểm soát, Tổng giám đốc, Phó Tổng giám đốc và Kế toán trưởng của công ty; cổ đông lớn là người có liên quan với thành viên Hội đồng quản trị, Ban kiểm soát, Tổng giám đốc, Phó Tổng giám đốc và Kế toán trưởng của công ty phải cam kết nắm giữ 100% số cổ phiếu do mình sở hữu trong thời gian 06 tháng kể từ ngày niêm yết và 50% số cổ phiếu này trong thời gian 06 tháng tiếp theo, không tính số cổ phiếu thuộc sở hữu Nhà nước do các cá nhân trên đại diện nắm giữ;*

Danh sách hạn chế chuyển nhượng chi tiết như sau:

Bảng 24. Danh sách hạn chế chuyển nhượng

STT	Họ tên	Chức vụ (đối với CĐNB)	Họ tên CĐNB (Đối với cổ đông lớn là người có liên quan đến CĐNB)	Số lượng cổ phiếu sở hữu	Số lượng cổ phiếu hạn chế chuyển nhượng	Tỷ lệ sở hữu	Thời gian hạn chế chuyển nhượng
1	Ông Phan Thanh Sơn	Chủ tịch HĐQT kiêm Giám đốc		79.039	79.039	2,03%	100% số cổ phiếu trong thời gian 06 tháng kể từ ngày niêm yết và 50% số cổ phiếu này trong thời gian
2	Ông Trần Ngọc Tuấn	Thành viên HĐQT kiêm Phó Giám Đốc		68.219	68.219	1,75%	
3	Ông Hoàng Hải Đường	Thành viên HĐQT		391.765	391.765	10,05%	
4	Ông Nguyễn Văn Quý	Phó Giám đốc kiêm		2.620	2.620	0,07%	

STT	Họ tên	Chức vụ (đối với CĐNB)	Họ tên CĐNB (Đối với cổ đông lớn là người có liên quan đến CĐNB)	Số lượng cổ phiếu sở hữu	Số lượng cổ phiếu hạn chế chuyển nhượng	Tỷ lệ sở hữu	Thời gian hạn chế chuyển nhượng
		Kế toán trưởng					06 tháng tiếp theo
5	Ông Trần Quang Hùng	Phó Giám đốc		3.690	3.690	0,09%	
6	Ông Nguyễn Đàm Kiên	Trưởng Ban kiểm soát		1.296	1.296	0,03%	
7	Bà Vũ Thị Hằng	Thành viên Ban kiểm soát		1.946	1.946	0,05%	
8	CTCP - Tổng Công ty Xây lắp và Thương mại Petrolimex			1.962.905	1.962.905	50,33%	
		Chủ tịch HĐQT	Ông Phan Thanh Sơn	981.665	981.665	25,17%	
		Thành viên HĐQT	Ông Lê Minh Quốc	490.620	490.620	12,58%	
		Thành viên HĐQT	Ông Trần Ngọc Tuấn	490.620	490.620	12,58%	
Tổng cộng				2.511.480	2.511.480	64.40%	

Nguồn: Danh sách cổ đông chốt ngày 28/05/2019 do VSD cung cấp

6. Phương pháp tính giá cổ phiếu niêm yết

6.1. Giá trị sổ sách cổ phiếu

Chỉ tiêu	Ngày 31/12/2017	Ngày 31/12/2018	Ngày 31/3/2019
Giá trị sổ sách cổ phiếu (Đồng/cổ phiếu)	18.495	16.775	16.968

6.2. Phương pháp tính giá

Giá tham chiếu dự kiến trong phiên giao dịch đầu tiên của cổ phiếu PIA trên Sở Giao dịch Chứng khoán Hà Nội được tính bằng bình quân có trọng số của 2 phương pháp sau:

- Phương pháp xác định giá trị sổ sách (gọi tắt là phương pháp P/B);

- Phương pháp so sánh chỉ số giá cổ phiếu / lợi nhuận trên mỗi cổ phiếu P/E (gọi tắt là **phương pháp P/E**).

Trong đó:

Phương pháp P/B: Phương pháp này dựa trên các số liệu Báo cáo tài chính gần nhất của Công ty. Công thức tính giá cổ phiếu theo phương pháp BV

$$P = BV \times P/BV$$

Trong đó:

P: Là giá cổ phiếu của Công ty được định giá

BV: là giá trị sổ sách của cổ phiếu. Giá trị sổ sách của cổ phiếu được xác định bởi công thức sau:

$$\text{Giá trị sổ sách của cổ phiếu} = \frac{\text{Vốn chủ sở hữu}}{\text{Số lượng cổ phiếu đang lưu hành}}$$

P/BV: Là hệ số giá/giá trị sổ sách trung bình của nhóm các công ty cùng ngành đang niêm yết trên các Sở giao dịch Chứng khoán và đăng ký giao dịch trên thị trường UPCoM.

Phương pháp P/E: Phương pháp này dựa trên giá trị lợi nhuận trên mỗi cổ phiếu của Công ty và hệ số giá trên lợi nhuận của mỗi cổ phiếu (P/E) bình quân của các công ty cùng ngành đang niêm yết trên Sở Giao dịch Chứng khoán Hà Nội và Thị trường Upcom.

$$P = EPS \times P/Ebq$$

Trong đó:

P: Là giá cổ phiếu của Công ty được định giá

EPS: Là lợi nhuận trên mỗi cổ phiếu của Công ty trên các số liệu Báo cáo tài chính năm 2018 của Công ty.

P/Ebq: Là hệ số giá/lợi nhuận trên mỗi cổ phiếu trung bình của nhóm các công ty cùng ngành đang niêm yết trên các Sở giao dịch Chứng khoán và đăng ký giao dịch trên thị trường UPCoM).

Trên cơ sở kết hợp các phương pháp tính giá trên và một số phương pháp tính giá phù hợp khác, mức giá tham chiếu trong ngày giao dịch đầu tiên của cổ phiếu Công ty sẽ do Hội đồng Quản trị thông báo bằng văn bản phù hợp với quy định tại thời điểm niêm yết.

7. Giới hạn về tỷ lệ nắm giữ đối với người nước ngoài

Điều lệ tổ chức và hoạt động của Công ty Cổ phần Tin học Viễn thông Petrolimex hiện nay không quy định về giới hạn tỷ lệ sở hữu của nhà đầu tư nước ngoài đối với cổ phần của Công ty.

Theo **Điều 1 Khoản 2 của Nghị định số 60/2015/NĐ-CP** ngày 26/6/2015 của Thủ tướng Chính phủ về sửa đổi, bổ sung một số điều của Nghị định số 58/2012/NĐ-CP ngày 20/7/2012 quy định chi tiết và hướng dẫn thi hành một số điều của Luật Chứng khoán và Luật sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật Chứng khoán thì tỷ lệ sở hữu nước ngoài tại công ty đại chúng như sau: (i) không hạn chế tỷ lệ (trừ khi Điều lệ công ty có quy định khác), (ii) trường hợp điều ước quốc tế mà Việt Nam tham gia có quy định về tỷ lệ sở hữu nước ngoài thì theo điều ước quốc tế, (iii) nếu hoạt động của công ty thuộc ngành nghề đầu tư kinh doanh mà pháp luật có quy định tỷ lệ sở hữu nước ngoài thì thực hiện theo quy định tại pháp luật đó, (iv) nếu công ty hoạt động trong ngành nghề kinh doanh có điều kiện áp dụng đối với nhà đầu tư nước ngoài mà chưa có quy định cụ thể về sở hữu của nước ngoài thì tỷ lệ sở hữu nước ngoài tối đa là 49%, (v) công ty hoạt động đa ngành nghề có quy định khác nhau về tỷ lệ sở hữu thì tỷ lệ sở hữu nước ngoài không vượt quá mức thấp nhất trong các ngành nghề (mà công ty đó hoạt động) có quy định về tỷ lệ sở hữu nước ngoài, trừ trường hợp điều ước quốc tế có quy định khác. Nghị định 60 có hiệu lực thi hành kể từ ngày 01/9/2015.

Hiện nay một số ngành nghề kinh doanh của công ty là ngành nghề có điều kiện nhưng không thuộc trường hợp hạn chế tỷ lệ nắm giữ đối với người nước ngoài, như vậy, ***tỷ lệ sở hữu của Nhà đầu tư nước ngoài của Công ty tối đa là 49%.***

8. Các loại thuế có liên quan (thuế thu nhập và các thuế khác liên quan đến chứng khoán niêm yết)

- Thuế thu nhập doanh nghiệp
- Thuế giá trị gia tăng
- Thuế xuất – nhập khẩu
- Các loại thuế khác

Việc xác định các loại thuế của Công ty căn cứ vào các quy định hiện hành về thuế. Tuy nhiên những quy định này thay đổi theo từng thời kỳ và việc xác định nghĩa vụ về thuế tùy



thuộc vào kết quả kiểm tra của cơ quan thuế có thẩm quyền. Hiện tại mức thuế thu nhập doanh nghiệp đang áp dụng với Công ty là 20%.

VI. CÁC ĐỐI TÁC LIÊN QUAN TỚI VIỆC NIÊM YẾT

1. Tổ chức tư vấn

CÔNG TY CỔ PHẦN CHỨNG KHOÁN FPT

Trụ sở chính : Số 52 Lạc Long Quân, P.Bưởi, Q. Tây Hồ, TP. Hà Nội

Số điện thoại : (024) 3773 7070

Fax : (024) 3773 9058

2. Tổ chức kiểm toán

CÔNG TY TNHH KIỂM TOÁN AN VIỆT

Địa chỉ : Tầng 12 tòa nhà 167 Bùi Thị Xuân, Q. Hai Bà Trưng,
TP. Hà Nội

Số điện thoại : (024) 6278 2904

Fax: : (024) 6278 2905

VII. PHỤ LỤC

1. Phụ lục I

Bản sao hợp lệ Giấy chứng nhận đăng ký kinh doanh

2. Phụ lục II

Điều lệ tổ chức và hoạt động của Công ty

3. Phụ lục III

Bản sao Báo cáo tài chính kiểm toán năm 2018, Báo cáo tài chính quý I năm 2019.

4. Các phụ lục khác

VIII. NHỮNG NGƯỜI CHỊU TRÁCH NHIỆM NỘI DUNG BẢN CÁO BẠCH

Hà Nội, ngày 21. tháng 06 năm 2019

TỔ CHỨC NIÊM YẾT
CÔNG TY CỔ PHẦN TIN HỌC VIỄN THÔNG PETROLIMEX
CHỦ TỊCH HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ - GIÁM ĐỐC



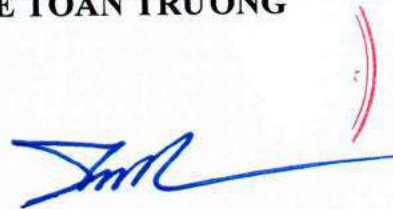
PHAN THANH SƠN

TRƯỞNG BAN KIỂM SOÁT

KẾ TOÁN TRƯỞNG



NGUYỄN ĐÀM KIÊN



NGUYỄN VĂN QUÝ

TỔ CHỨC TƯ VẤN
CÔNG TY CỔ PHẦN CHỨNG KHOÁN FPT
GIÁM ĐỐC TƯ VẤN TÀI CHÍNH DOANH NGHIỆP



NGUYỄN THỊ HẠNH

